

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

KHOA SƯ PHẠM XÃ HỘI

BÀI GIẢNG HỌC PHẦN

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

(HỆ: CĐSP – ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ)

Giảng viên: Nguyễn Lập

Tổ bộ môn: Tâm lý - Giáo dục - CTĐ

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Quảng Ngãi, năm 2013

Lời nói đầu

Đề cương bài giảng học phần tổ chức hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở là những vấn đề cơ bản tiếp nối những cơ sở lí luận của giáo dục học. Trong phần này, trình bày những vấn đề cơ bản của lí luận dạy học nhằm giúp cho sinh viên học tập thuận lợi và có kết quả môn phương pháp dạy học bộ môn, qua đó có cơ sở tiến hành hoạt động dạy học có hiệu quả ở trường trung học cơ sở.

Đề cương bài giảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thái độ và kĩ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Bài giảng gồm hai chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học.

Chương 2: Tổ chức dạy học ở trường trung học cơ sở.

Đề cương bài giảng mang tính chất tham khảo nội bộ: mặt khác trình độ biên soạn của chúng tôi còn hạn chế nên tài liệu chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Rất mong được sự góp ý của các đồng nghiệp và sinh viên.

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CỐ BẢN CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Quá trình dạy học

1.1.1. Khái niệm về quá trình dạy học

- Là quá trình hoạt động thống nhất giữa giáo viên và học sinh, trong đó dưới sự tổ chức và điều khiển của giáo viên, học sinh tự giác tích cực, chủ động, tự tổ chức, tự điều khiển quá trình nhận thức - học tập của bản thân nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập.

- Tính chất hai mặt của quá trình dạy học

Quá trình dạy học bao gồm 2 quá trình bộ phận: Quá trình dạy và quá trình học, hai quá trình này gắn bó hữu cơ, bổ sung, hỗ trợ nhau cùng phát triển để đạt đến mục tiêu của dạy học, thiếu một trong hai quá trình bộ phận đó thì quá trình dạy học không diễn ra.

Hoạt động dạy

+ Giáo viên là chủ thể của hoạt động dạy, đóng vai trò là người tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của HS.

+ Đối tượng là hoạt động học của học sinh.

+ Mục đích là phát triển trí tuệ, năng lực nhận thức, nhân cách của học sinh.

+ Nội dung dạy là hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, phương pháp hoạt động nhận thức.

+ Phương pháp dạy là sự phối hợp các phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức và phát triển trí tuệ cho học sinh.

Hoạt động học

+ Học sinh là chủ thể hoạt động tích cực, sáng tạo nhằm chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển trí tuệ, năng lực nhận thức, phát triển nhân cách.

+ Mục đích hoạt động học là chuyển hóa nền văn hóa nhân loại thành năng lực bản thân.

+ Nội dung học là hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phương pháp học, phương pháp nhận thức...

+ Phương pháp học là phương pháp nhận thức và thực hành.

1.1.2. Quá trình dạy học là một hệ thống toàn vẹn.

- Cơ sở xác định:
 - + Các yếu tố cấu thành.
 - + Mối quan hệ giữa các yếu tố.
 - + Chức năng của từng yếu tố.
 - + Môi trường mà các yếu tố đó tồn tại.
- Cấu trúc
 - + Mục đích, nhiệm vụ dạy học

Mục đích, nhiệm vụ dạy học phản ánh tập trung nhất những yêu cầu của xã hội đối với quá trình dạy học. Nó gắn với mục đích giáo dục nói chung, mục đích của từng cấp học nói riêng. Nó là cái đích mà quá trình dạy học cần đạt tới. Nhiệm vụ dạy học là sự cụ thể hóa của mục đích dạy học, quy định những yêu cầu về bồi dưỡng hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo; phát triển năng lực và các phẩm chất trí tuệ; hình thành thế giới quan, lý tưởng đạo đức.

Mục đích, nhiệm vụ có vị trí hàng đầu trong quá trình dạy học với chức năng định hướng sự vận động của các nhân tố và của cả quá trình dạy học.

- + Nội dung dạy học

Nội dung dạy học quy định hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mà người học cần lĩnh hội. Nó tạo nên nội dung hoạt động của giáo viên và học sinh.

Nội dung dạy học bị chi phối bởi mục đích, nhiệm vụ dạy học và phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện tốt mục đích, nhiệm vụ dạy học của nhà trường; quy định việc lựa chọn và vận dụng phương pháp, phương tiện dạy học.

- + Phương pháp, phương tiện dạy học

Phương pháp, phương tiện dạy học là những cách thức và công cụ hoạt động của thầy và trò trong quá trình dạy học; có chức năng xác định phương thức hoạt động dạy học theo nội dung nhất định nhằm thực hiện tốt mục đích dạy học.

- + Giáo viên với hoạt động dạy

Giáo viên với hoạt động dạy là chủ thể của quá trình dạy học, có chức năng tổ chức, điều khiển, lãnh đạo hoạt động học của học sinh trên cơ sở:

- . Đề ra mục đích yêu cầu nhận thức-học tập.
- . Vạch ra kế hoạch dạy học.

- . Tổ chức hoạt động dạy-hoạt động học.
- . Kích thích thái độ học tập tích cực của học sinh.
- . Theo dõi, kiểm tra và đánh giá.

+ Học sinh với hoạt động học:

Học sinh vừa là đối tượng tác động của giáo viên; vừa là chủ thể của hoạt động học, có vai trò tích cực, chủ động, độc lập, tự giác, sáng tạo trên cơ sở:

. Tiếp nhận nhiệm vụ và kế hoạch học tập do giáo viên đề ra.

. Thực hiện những hành động và thao tác nhận thức để giải quyết các vấn đề nhiệm vụ học tập

. Tự điều chỉnh hoạt động nhận thức của bản thân.

. Tự phân tích, tự đánh giá kết quả học tập.

+ Hình thức tổ chức dạy học:

Hình thức tổ chức dạy học là những cách thức tiến hành hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh, được thực hiện theo chế độ và trình tự nhất định về thời gian, địa điểm, với phương pháp, phương tiện dạy học nhằm đảm bảo các nhiệm vụ dạy học.

+ Kết quả dạy học:

Kết quả dạy học phản ánh kết quả vận động, phát triển của quá trình dạy học nói chung và kết quả vận động, phát triển của học sinh nói riêng, là điểm xuất phát của các mối liên hệ ngược trong quá trình dạy học.

Toàn bộ quá trình dạy học bao giờ cũng gắn liền với hoàn cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội, khoa học- công nghệ hội nhất định.

1.1.3. Bản chất của quá trình dạy học

- Cơ sở xác định:

. Về mặt biện chứng: Quá trình dạy học thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa dạy-học, chủ thể -khách thể của học.

. Về mặt xã hội: thể hiện mối quan hệ giữa nhận thức - dạy học, người dạy-người học, người học -người học.

- Một số quan niệm về bản chất của quá trình dạy học:

. Về mặt tâm lí: Quá trình dạy học được xem là quá trình tâm lí.

. Về mặt xã hội; Quá trình dạy học là một quá trình xã hội (thể hiện ở mục đích, nội dung, các quan hệ giáo viên- học sinh, học sinh - học sinh).

. Theo quan điểm hệ thống: Quá trình dạy học là một hệ thống.

. Theo quan điểm điều khiển: Quá trình dạy học là một hệ điều khiển, có sự thống nhất hữu cơ giữa điều khiển (dạy) với được điều khiển, tự điều khiển (học).

. Theo lý thuyết thông tin: Quá trình dạy học là quá trình thu nhận, lưu trữ, xử lý và vận dụng thông tin.

1.1.4 Bản chất của hoạt động học:

- Những cơ sở xác định bản chất hoạt động học

Dựa vào hai mối quan hệ cơ bản để xác định bản chất của hoạt động học:

+ Mối quan hệ giữa hoạt động nhận thức có tính chất lịch sử xã hội của loài người (thể hiện ở hoạt động nghiên cứu của các nhà khoa học) với hoạt động dạy học:

Để tồn tại và phát triển, loài người không ngừng nhận thức thế giới khách quan xung quanh mình, dần dần tích lũy, hệ thống hóa, khái quát hóa, những tri thức đã thu lượm được. Hệ thống những tri thức này được truyền lại cho thế hệ sau và không ngừng được làm sâu sắc, phong phú thêm. Quá trình truyền thụ tri thức cho thế hệ trẻ được gọi là quá trình dạy học.

Như vậy, trong xã hội diễn ra hoạt động nhận thức của loài người và hoạt động dạy học cho thế hệ trẻ, trong đó hoạt động nhận thức đi trước hoạt động dạy học. Hoạt động nhận thức của học sinh diễn ra trong điều kiện tổ chức sự phạm đặc biệt. Nó không lặp lại toàn bộ quá trình nhận thức của loài người.

+ Mối quan hệ giữa dạy và học, thầy và trò:

Quá trình dạy học có hai nhân tố trung tâm là hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò. Hai hoạt động này thống nhất với nhau và phản ánh tính hai mặt của quá trình dạy học. Xét cho cùng thì mọi tác động của giáo viên đến học sinh đều nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa học sinh và tài liệu học tập, tức thúc đẩy hoạt động nhận thức tài liệu học tập của học sinh. Kết quả dạy học phản ánh tập trung ở kết quả nhận thức của học sinh.

Như vậy, chỉ có thể tìm thấy bản chất quá trình dạy trong hoạt động nhận thức của học sinh.

* Sự giống nhau giữa quá trình nhận thức của học sinh và của nhà khoa học:

Đều là quá trình phản ánh thế giới khách quan vào trong ý thức cá nhân; huy động tối đa các thao tác tư duy; tuân theo qui luật nhận thức chung; kết quả đều làm cho vốn hiểu biết của chủ thể nhận thức phong phú thêm.

* Những nét riêng trong quá trình nhận thức của học sinh:

Quá trình nhận thức của học sinh tuy có những nét cơ bản giống với quá trình nhận thức của nhà khoa học, của loài người, nhưng nó có những đặc điểm riêng.

- Về điều kiện nhận thức: Quá trình nhận thức của nhà khoa học và quá trình nhận thức của học sinh diễn ra trong điều kiện khác nhau. Quá trình nhận thức của nhà khoa học là một quá trình độc lập; nhà khoa học phải mò mẫm, thử sai, con đường làm việc quanh co, khúc khuỷu, gặp nhiều khó khăn, gian khổ. Còn quá trình nhận thức của học sinh lại theo con đường đã được khám phá, diễn ra trong điều kiện tổ chức sư phạm đặc biệt, có sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển của người giáo viên, nên không lặp lại toàn bộ quá trình nhận thức của nhà khoa học, vì vậy, quá trình nhận thức của học sinh thuận lợi hơn.

- Về kết quả nhận thức: Nhà khoa học phát hiện và chứng minh những cái mới đối với nhân loại, tìm ra những chân lý chưa được khám phá. Còn học sinh chỉ nhận thức những cái mới đối với bản thân mình, rút ra từ kho tàng hiểu biết chung của loài người.

- Về logic nhận thức: Quá trình nhận thức của nhà khoa học trải qua 3 bước: tri giác tài liệu mới, hình thành khái niệm, kiểm nghiệm thực tiễn. Trong quá trình nhận thức của học sinh luôn diễn ra sự củng cố, ôn tập và kiểm tra, đánh giá.

- Về tính chất của hoạt động nhận thức: Quá trình nhận thức của học sinh luôn mang tính giáo dục. Thông qua việc nắm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển các năng lực nhận thức học sinh dần dần được hình thành thế giới quan khoa học, bồi dưỡng các phẩm chất đạo đức.

Những nét đặc thù này không có trong quá trình nhận thức của loài người. Sự khác biệt này tạo nên tính độc đáo trong quá trình nhận thức của học sinh. Vậy bản chất quá trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của học sinh.

Từ đó, giáo viên cần có những biện pháp hợp lý để tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh đạt kết quả tốt.

1.1.5. Dạy học theo hướng tiếp cận “ lấy học sinh làm trung tâm”.

1.1.5.1. Bản chất:

Mọi tác động sư phạm phải căn cứ vào đặc điểm của người học, tạo điều kiện cho học sinh suy nghĩ và hoạt động nhiều, hướng vào việc khơi dậy và phát triển tiềm năng ở học sinh. Học sinh chủ động hoạt động, khám phá dưới sự hướng dẫn của giáo viên để hình thành và phát triển năng lực và các phẩm chất theo yêu cầu của mục tiêu dạy học.

1.1.5.2. Đặc điểm:

- Về mục tiêu dạy học: Hướng vào việc chuẩn bị cho học sinh sự thích ứng xã hội, tôn trọng nhu cầu, tiềm năng của học sinh.

- Về nội dung dạy học: Ngoài hệ thống tri thức lí thuyết, cần chú trọng kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào trong thực tiễn.

- Về phương pháp dạy học: Hướng vào việc tổ chức cho học sinh hoạt động, vận dụng sự hiểu biết của bản thân vào quá trình chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tập dượt nghiên cứu.

- Về hình thức tổ chức dạy học: Tự học, thảo luận, học theo nhóm...

- Về đánh giá: Học sinh tự đánh giá và tham gia đánh giá lẫn nhau trong quá trình học tập.

1.1.6. Nhiệm vụ dạy học

1.1.6.1. Tổ chức, điều khiển học sinh nắm vững hệ thống tri thức khoa học và hệ thống kĩ năng, kĩ xảo tương ứng.

- Trong quá trình dạy học cần trang bị cho học sinh hệ thống tri thức phổ thông, cơ bản và hiện đại phù hợp với thực tiễn của đất nước về tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Trên cơ sở hệ thống tri thức đó dần dần hình thành cho học sinh hệ thống kĩ năng, kĩ xảo nhất định, đặc biệt là những kĩ năng tự học, tự nghiên cứu.

- Biết vận dụng hệ thống tri thức một cách linh hoạt để giải quyết các tình huống khác nhau trong nhận thức và thực tiễn cuộc sống.

1.1.6.2. Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành và phát triển năng lực và những phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy sáng tạo.

- Sự phát triển trí tuệ nói chung được đặc trưng bởi sự tích lũy vốn tri thức và sự thành thạo các thao tác trí tuệ.

- Năng lực trí tuệ: Là năng lực vận dụng các thao tác trí tuệ vào quá trình chiếm lĩnh tri thức và việc giải quyết các tình huống trong cuộc sống.

- Trong quá trình dạy học, cần tổ chức, điều khiển học sinh phát huy tính tích cực nhận thức, rèn luyện các thao tác trí tuệ, dần dần hình thành các phẩm chất trí tuệ cần thiết như: Tính định hướng, bề rộng, chiều sâu, tính linh hoạt, tính mềm dẻo, tính độc lập, tính phê phán, tính khái quát...

1.1.6.3. Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và các phẩm chất đạo đức của nhân cách.

- Trên cơ sở nắm vững hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, quá trình dạy học còn góp phần hình thành cho học sinh những phẩm chất cần thiết của người công dân, người lao động trong tương lai.

- Dạy học và giáo dục có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó giáo dục thế giới quan và đạo đức vừa là mục tiêu vừa là kết quả đồng thời là cơ sở, động cơ thúc đẩy sự chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển trí tuệ.

1.2. Tính quy luật, động lực và lôgic của quá trình dạy học.

1.2.1. Quy luật và tính quy luật.

- Quy luật: Phản ánh mối liên hệ tất yếu, khách quan, chủ yếu, bền vững vốn có, lặp đi lặp lại của sự vật, hiện tượng.

- Tính quy luật: Như là quy luật được nhận thức chưa đủ chính xác, chưa diễn đạt một cách chặt chẽ cả về định tính lẫn định lượng.

1.2.2. Tính quy luật của quá trình dạy học.

- Quy luật về tính qui định của môi trường đối với quá trình dạy học.

- Quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy và hoạt động học.

- Qui luật thống nhất biện chứng giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ của người học.

- Qui luật thống nhất biện chứng giữa dạy học và giáo dục.

- Qui luật thống nhất giữa nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

1.2.3. Động lực của quá trình dạy học.

- Động lực của quá trình dạy học:

- Quá trình dạy học luôn luôn vận động và phát triển không ngừng, sự vận động và phát triển đó được biểu hiện thông qua từng nhân tố của cả hệ thống.

+Đối với hoạt động dạy: Là quá trình giáo viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân để đáp ứng quá trình phát triển không ngừng của dạy học nói chung và hoạt động học nói riêng.

+Đối với hoạt động học: Là sự hoàn thiện không ngừng tâm lí, nhân cách của học sinh thông qua sự chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo. Là quá trình người học từ chỗ chưa biết đến biết, biết một cách đầy đủ và sâu sắc, từ chỗ nắm tri thức đến hình thành kĩ năng, kĩ xảo, đến sự phát triển trí tuệ, phát triển nhân cách.

+Là quá trình không ngừng cải tiến và hoàn thiện nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

-Nguyên nhân của sự vận động và phát triển của quá trình dạy học là sự xuất hiện nảy sinh và giải quyết các mâu thuẫn của bản thân quá trình dạy học.

+ Mâu thuẫn bên ngoài: Là mâu thuẫn giữa quá trình dạy học với môi trường; ví dụ; Mâu thuẫn giữa điều kiện kinh tế, khoa học phát triển cao với một bên là mục đích, nội dung dạy học còn lạc hậu. Việc giải quyết mâu thuẫn này sẽ tạo điều kiện cho quá trình dạy học vận động và phát triển.

+ Mâu thuẫn bên trong: Là mâu thuẫn giữa các thành tố của quá trình dạy học; giữa các yếu tố trong từng thành tố, ví dụ: Mục đích, yêu cầu dạy học cao với một bên là nội dung, phương pháp dạy học còn lạc hậu. Việc giải quyết các mâu thuẫn này sẽ tạo động lực cho sự vận động và phát triển.

- Mâu thuẫn cơ bản và động lực chủ yếu của quá trình dạy học:

+ Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn tồn tại giữa một bên là hệ thống các yêu cầu do quá trình dạy học đề ra với một bên là trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo hiện có ở học sinh.

+ Cơ sở xác định :

. Là mâu thuẫn tồn tại suốt quá trình dạy học

. Có ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết các mâu thuẫn khác

. Việc giải quyết mâu thuẫn đó trực tiếp làm cho quá trình dạy học luôn vận động và phát triển.

- Điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực

+ Mâu thuẫn phải được người học nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ và có nhu cầu giải quyết.

+ Mâu thuẫn phải vừa sức với học sinh, nghĩa là người học phải có khả năng giải quyết.

+ Mâu thuẫn nảy sinh một cách tất yếu trong tiến trình vận động đi lên của quá trình dạy học (do lôgic của quá trình dạy học đem lại).

1.2.4. Lôgic của quá trình dạy học

1.2.4.1. Định nghĩa: Là trình tự vận động hợp lý của quá trình dạy học, đảm bảo cho học sinh đi từ trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và năng lực nhận thức ứng với lúc bắt đầu nghiên cứu một môn học hay một phần nào đó đến trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, sự phát triển năng lực nhận thức tương ứng với lúc kết thúc môn học hay một phần nào đó.

1.2.4.2. Các khâu của quá trình dạy học

a. Kích thích thái độ học tập tích cực của học sinh:

- Biểu hiện của thái độ học tập tích cực: Sự tập trung chú ý cao độ trong quá trình nhận thức, có động cơ học tập đúng đắn, tích cực tham gia vào quá trình nhận thức...

- Vai trò: Là yếu tố quyết định trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của quá trình học tập.

- Cách thức hình thành thái độ học tập tích cực cho học sinh

+ Kích thích tính tò mò ham hiểu biết của học sinh.

+ Làm cho học sinh thấy được ý nghĩa, vai trò của nội dung học tập.

+Tạo ra các tình huống có vấn đề.

+ Đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ nhận thức cho học sinh.

b. Tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới:

- Đây là giai đoạn trọng tâm của quá trình dạy học, ở giai đoạn này giáo viên huy động mọi quá trình nhận thức của học sinh, trên cơ sở đó giúp học sinh lĩnh hội khái niệm khoa học, các bước thực hiện

+Trên cơ sở tổ chức, hướng dẫn học sinh tri giác các sự vật - hiện tượng hay biểu tượng của chúng, từ đó hình thành những tài liệu cảm tính làm cơ sở cho việc hình thành khái niệm khoa học, hướng dẫn học sinh quan sát những dấu hiệu, quan hệ chủ yếu để có biểu tượng chính xác.

+Tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hiện các thao tác tư duy để tìm ra những dấu hiệu, những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ bên trong mang tính qui luật của sự vật - hiện tượng, từ đó hình thành nên khái niệm khoa học một cách chính xác và đầy đủ.

c. Tổ chức, điều khiển học sinh củng cố tri thức:

- Đây là giai đoạn tiến hành tổ chức cho học sinh lặp đi, lặp lại những hành động nhất định để biến các thông tin vừa thu nhận được lưu trữ trong đầu một cách đầy đủ và chính xác để khi cần có thể nhớ nhanh, đủ và chính xác.

- Trong quá trình dạy học, giáo viên cần nhấn mạnh những những vấn đề cơ bản trọng tâm của bài học, tổ chức luyện tập, ôn tập một cách thường xuyên và có hệ thống.

- Học sinh cần sử dụng các loại trí nhớ để hệ thống hóa các tài liệu, xác định các vấn đề trọng tâm để biến nó thành kinh nghiệm của bản thân.

d. Tổ chức, điều khiển học sinh rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo:

- Là giai đoạn giáo viên tổ chức, điều khiển học sinh thực hiện các hành động nhận thức để chuyển hóa tri thức lí thuyết thành hệ thống kĩ năng, kĩ xảo tương ứng trên cơ sở:

+ Học sinh phải nắm vững tri thức lí thuyết rồi mới tiến hành luyện tập.

+ Vận dụng phối hợp nhiều biện pháp và hình thức luyện tập khác nhau.

+ Luyện tập ở nhiều tình huống và mức độ khác nhau.
+ Thường xuyên kiểm tra, uốn nắn kịp thời những sai lầm học sinh mắc phải trong quá trình luyện tập.

+ Tăng cường hướng dẫn học sinh tự tiến hành luyện tập.

e. Kiểm tra, đánh giá và tổ chức cho học sinh tự kiểm tra, đánh giá:

- Là giai đoạn giáo viên sử dụng các biện pháp để thu nhận thông tin cần thiết về quá trình dạy và học, làm cơ sở cho việc điều khiển, điều chỉnh quá trình dạy học một cách hợp lí.

- Cần phối hợp nhiều hình thức và biện pháp kiểm tra khác nhau.

- Tăng cường hướng dẫn học sinh tự kiểm tra, tự đánh giá.

- Việc kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo tính khách quan công bằng và mang tính giáo dục.

g. Phân tích kết quả học tập:

- Là giai đoạn giáo viên và học sinh tự đánh giá, đối chiếu với mục tiêu đề ra, phát hiện ưu-nhược điểm từ đó rút ra bài học kinh nghiệm

- Cần rút ra bài học kịp thời, chuẩn xác và đề xuất được những giải pháp, phương hướng mới trong hoạt động dạy học.

1.3. Hệ thống các nguyên tắc dạy học

1.3.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học

1.3.1.1. Định nghĩa: Nguyên tắc dạy học là những luận điểm cơ bản có tính qui luật của lí luận dạy học, có tác dụng chỉ đạo toàn bộ tiến trình dạy và học nhằm thực hiện tối ưu mục đích và nhiệm vụ dạy học.

1.3.1.2. Cơ sở xác định nguyên tắc dạy học:

- Dựa vào mục đích và những tính qui luật của dạy học

- Dựa vào đặc điểm tâm – sinh lí của học sinh.

- Kế thừa có chọn lọc các nguyên tắc dạy học trong lịch sử.

1.3.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học.

1.3.2.1. Nguyên tắc thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học

a. Nội dung nguyên tắc:

- Trong quá trình dạy học phải trang bị cho học sinh hệ thống những tri thức khoa học chân chính, hiện đại thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Hình thành cho học sinh những thói quen suy nghĩ và làm việc một cách có khoa học.

- Trên cơ sở hệ thống tri thức và sự phát triển trí tuệ dần dần hình thành cho học sinh thế giới quan khoa học và những phẩm chất đạo đức cần thiết của người công dân.

b. Biện pháp thực hiện:

- Trong quá trình dạy học cần lựa chọn những nội dung tri thức chính xác hiện đại đã được khẳng định trong các khoa học.

- Tăng cường giáo dục bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức thông qua các môn học.

- Bồi dưỡng ý thức và năng lực phê phán các quan niệm phản khoa học, mê tín dị đoan...

- Bồi dưỡng năng lực và thói quen làm việc có khoa học cho học sinh.

1.3.2.2. Đảm bảo sự thống nhất giữa lí luận và thực tiễn:

a. Nội dung nguyên tắc:

- Phải giúp học sinh nắm vững hệ thống tri thức lí thuyết cơ bản hiện đại thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau.

- Giúp học sinh thấy được vị trí, ý nghĩa của tri thức khoa học đối với cuộc sống của con người

- Rèn luyện cho học sinh những kĩ năng vận dụng tri thức vào trong thực tiễn cuộc sống

b. Biện pháp thực hiện:

- Nội dung chương trình phải có sự lựa chọn đảm bảo sự cân đối giữa lí thuyết và thực hành

- Luôn phản ánh những vấn đề thực tiễn vào trong nội dung bài học.

- Chú ý lựa chọn những phương pháp, hình thức dạy học gắn với thực tế.

1.3.2.3. Đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong dạy học

a. Nội dung nguyên tắc:

Trong quá trình dạy học phải tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc trực tiếp với sự vật- hiện tượng, hình tượng, mô hình của chúng rồi từ đó đi đến nắm khái niệm, qui luật, lí thuyết khái quát hoặc ngược lại. Trong quá trình dạy học cần đảm mối quan hệ giữa tư duy cụ thể và tư duy trừu tượng.

b. Biện pháp thực hiện:

- Cần sử dụng nhiều loại phương tiện trực quan khác nhau.
- Cần kết hợp với ngôn ngữ đi kèm khi trình bày trực quan nhằm hình thành biểu tượng chính xác cho học sinh.
- Rèn luyện cho học sinh năng lực quan sát, và rút ra kết luận cần thiết.
- Tổ chức cho học sinh vận dụng những điều đã học vào thực tiễn, cho ví dụ minh họa

1.3.2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức, năng, kĩ xảo và tính mềm dẻo của tư duy

a. Nội dung nguyên tắc:

Học sinh phải nắm vững chắc và hiểu rõ bản chất của vấn đề học tập và thành thạo các kĩ năng, kĩ xảo, để khi cần có thể nhớ nhanh, nhớ đủ và nhớ chính xác.

b. Biện pháp thực hiện:

- Trong quá trình dạy học cần truyền đạt những vấn đề trọng tâm, cơ bản và có hệ thống.
- Trong quá trình học tập, học sinh phải biết sử dụng các loại ghi nhớ để ghi nhớ tài liệu học tập.
- Sử dụng nhiều phương pháp, hình thức dạy học khác nhau để tổ chức cho học sinh ôn tập, luyện tập, hệ thống hóa tri thức.
- Hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa, sưu tầm và tra cứu tài liệu tham khảo trong quá trình học tập.

1.3.2.5. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và riêng trong dạy học:

a. Nội dung nguyên tắc:

- Cần vận dụng nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đảm bảo sự phù hợp với trình độ của học sinh cả lớp và từng loại đối tượng, đảm bảo cho mọi học sinh đều phát triển tối đa khả năng của mình.

b. Biện pháp thực hiện:

- Cần nắm vững đặc điểm học sinh của lớp về mọi mặt, đặc biệt là trình độ nhận thức, động cơ, thái độ học tập.

- Trong tiến trình dạy học cần phải kịp thời điều chỉnh hoạt động nhận thức của học sinh, chú ý học sinh yếu, kém.

- Cần cá biệt hóa việc dạy học.

- Tổ chức cho học sinh kèm cặp lẫn nhau trong quá trình học tập.

1.3.2.6. Đảm bảo sự thống nhất giữa hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh

a. Nội dung nguyên tắc:

Trong quá trình dạy học cần đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của giáo viên với vai trò tự giác, tích cực, độc lập của học sinh:

b. Biện pháp thực hiện:

- Giáo dục cho học sinh ý thức sâu sắc về mục đích, nhiệm vụ học tập từ đó hình thành thái độ, động cơ học tập đúng đắn.

- Vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh.

- Bồi dưỡng cho học sinh thói quen hoài nghi khoa học.

- Duy trì mối liên hệ ngược trong và ngược ngoài trong quá trình dạy học, qua đó để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

1.3.2.7. Nguyên tắc chuyển từ dạy học sang tự học

a. Nội dung nguyên tắc:

Trong quá trình dạy học, phải hình thành cho học sinh nhu cầu, năng lực, phẩm chất tự học để chuyển dần từ quá trình dạy học sang tự học.

b. Biện pháp thực hiện

- Trong quá trình dạy học cần tăng cường rèn luyện kỹ năng học tập, tự học cho học sinh (kỹ năng đọc sách, tra cứu, lập kế hoạch, tổ chức, triển khai thực hiện...)

- Vận dụng các phương pháp, hình thức dạy học theo quan điểm dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, độc lập... của học sinh.

- Nêu gương học tốt... để kích thích tinh thần tự học của học sinh.

- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm học tốt trong tập thể học sinh.

- Hướng dẫn học sinh tra cứu tài liệu và cách sử dụng sách giáo khoa trong học tập, nghiên cứu.

Câu hỏi ôn tập

1. Thế nào là quá trình dạy học? Hãy nêu các nhiệm vụ của quá trình dạy học và mối quan hệ giữa các nhiệm vụ đó.

2. Hãy trình bày động lực của quá trình dạy học. Cho ví dụ về cách xây dựng động lực cơ bản cho một tiết học về môn mà anh, chị phụ trách sẽ giảng dạy.

3. Thế nào là lôgic của quá trình dạy học? Trình bày các khâu của quá trình dạy học và mối quan hệ giữa chúng.

4. Nguyên tắc dạy học là gì? Hãy trình bày nội dung và cách thực hiện từng nguyên tắc dạy học.

Chương 2. TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

2.1. Những đặc điểm của hoạt động dạy học ở trường THCS.

2.1.1. Về mục tiêu

- Hình thành được cơ sở học vấn phổ thông THCS, hình thành cho thanh thiếu niên có một trình độ văn hóa phổ thông.

- Chuẩn bị cho học sinh có thể học lên THPT, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

- Đây là cấp học kế thừa thành tựu của giáo dục tiểu học, chuẩn bị những điều kiện cho học sinh bước vào cuộc sống, học lên.

2.1.2. Về nội dung dạy học

Hoạt động dạy học ở trường THCS tạo điều kiện cho học sinh nghiên cứu cơ sở của những khoa học với sự phong phú, đa dạng của những bộ môn, khối lượng tri thức lớn, phức tạp, sâu sắc, hệ thống hơn.

Các nội dung chương trình trong trường THCS được thiết kế theo mục đích vạch sẵn, do đó làm phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh. Các nội dung này vừa sức với học sinh, tạo cho họ sự tích cực, hứng thú, sáng tạo trong hoạt động nhận thức.

2.1.3. Về hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học theo từng môn học được sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên bộ môn tương ứng. Điều này khác với hoạt động dạy học ở tiểu học, mỗi môn học được hướng dẫn bởi một giáo viên có phong cách, trình độ, phương pháp dạy học riêng nên tạo ra sự đa dạng trong dạy học. Vấn đề này cũng ảnh hưởng đến học sinh. Giáo viên cần cải tiến phương pháp cho phù hợp với môn mình đảm nhiệm cũng như đặc điểm của từng học sinh.

2.1.4. Về đặc điểm đối tượng

Là lứa tuổi thiếu niên, đây là giai đoạn lứa tuổi có nhiều biến đổi đột ngột, độc đáo, từ tình trạng trẻ con sang người lớn, điều này có liên quan trực tiếp đến việc xây dựng lại một cách căn bản các quá trình, các hoạt động tâm lí của học sinh. Vì vậy cần có những cách tổ chức hoạt động, quan hệ cho phù hợp.

2.1.5 Về đặc điểm về thời đại

Điều kiện tổ chức quá trình dạy học là sự bùng nổ cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, vì vậy, phải đổi mới nội dung dạy học, hiện đại hóa phương pháp và phương tiện.

2.2. Nội dung dạy học.

2.2.1. Khái niệm nội dung dạy học.

- Là một hệ thống những tri thức, những cách thức hoạt động, những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo và thái độ cảm xúc - đánh giá đối với thế giới phù hợp về mặt sự phạm và được định hướng về mặt chính trị.

- Đặc điểm

+ Là một thành tố của quá trình dạy học, có mối quan hệ chặt chẽ với các thành tố khác tạo nên hoạt động phong phú đa dạng của hoạt động dạy và học.

+ Nội dung dạy học qui định hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại phù hợp với thực tiễn và hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng mà học sinh cần nắm vững trong quá trình học tập.

+ Nội dung dạy học được hình thành từ những tinh hoa của nền văn hóa vật chất và tinh thần, được tích lũy trong quá trình phát triển của lịch sử xã hội.

+ Nội dung dạy học chịu sự qui định bởi mục đích, nhiệm vụ dạy học, đặc điểm đối tượng và thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước và chi phối phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học.

2.2.2. Những thành phần của nội dung dạy học

- Hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội, tư duy, kỹ thuật, nghệ thuật và cách thức hoạt động sáng tạo.

+ Ý nghĩa của tri thức: Là cơ sở để hình thành kỹ năng, kỹ xảo, thế giới quan khoa học và các phẩm chất đạo đức của nhân cách.

+ Các dạng tri thức:

Tri thức có tính chất kinh nghiệm (những sự kiện thông thường), tri thức có tính chất khoa học (khái niệm cơ bản, qui luật, định luật, cách thức hoạt động, phương pháp nhận thức, giá trị về các chuẩn mực, thái độ...)

- Hệ thống những kỹ năng, kỹ xảo có liên quan đến hoạt động trí óc và lao động chân tay.

- Hệ thống những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo.
- Hệ thống những chuẩn mực về thái độ cảm xúc - đánh giá đối với tự nhiên, xã hội và con người.

2.2.3. Kế hoạch, chương trình dạy học, sách giáo khoa.

a. Kế hoạch dạy học

- Kế hoạch dạy học là văn kiện do Nhà nước ban hành trong đó quy định các môn học, các hoạt động giáo dục cơ bản; trình tự dạy các môn học, các hoạt động giáo dục qua từng năm; việc tổ chức năm học (số tuần thực học, số tuần lao động và nghỉ, chế độ học tập hàng ngày, hàng tuần).

Như vậy kế hoạch dạy học có tính pháp quy và được thực hiện thống nhất trong các trường phổ thông. Việc điều chỉnh kế hoạch dạy học phải được phép của cơ quan có thẩm quyền. Giáo viên khi thực hiện nhiệm vụ của mình phải nghiên cứu kế hoạch dạy học chung, từ đó lập kế hoạch dạy học của cá nhân để tiến hành dạy học theo đúng kế hoạch chung đã quy định.

- Môn học: được xây dựng từ khoa học tương ứng, vì vậy có điểm giống nhưng không đồng nhất với khoa học tương ứng.

+ Sự giống nhau giữa môn học và khoa học tương ứng: đều phản ánh một cách khách quan và có hệ thống những thành tựu khoa học mà loài người đã tích lũy, khái quát hóa, hệ thống hóa.

+ Sự khác nhau giữa môn học và khoa học tương ứng:

. Môn học chỉ phản ánh cơ sở của khoa học tương ứng như các khái niệm, định luật, định lý... Một môn học thường bao gồm cơ sở của nhiều khoa học liên quan.

. Môn học: có những phần nhằm quy định và hướng dẫn rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nhất định.

. Môn học còn yêu cầu về phát triển trí tuệ, yêu cầu giáo dục.

Logic môn học được xây dựng trên cơ sở thống nhất giữa logic khoa học tương ứng và logic nhận thức chung của học sinh.

b. Chương trình dạy học

Chương trình dạy học là văn kiện do Nhà nước ban hành trong đó quy định một cách cụ thể: vị trí, mục tiêu môn học, phạm vi và hệ thống nội dung môn học, số tiết dành cho môn học nói chung, cho từng phần, từng chương, từng bài nói riêng.

Chương trình dạy học của cấp học, bậc học được xây dựng từ chương trình dạy học của từng môn học ở các lớp cụ thể trong cấp học và bậc học đó. Chương trình dạy học của từng môn học thường có cấu trúc như sau:

- Vị trí và mục tiêu môn học
- Nội dung môn học
- Phân phối thời gian
- Giải thích chương trình và hướng dẫn thực hiện chương trình.

Chương trình dạy học là văn kiện có tính chất pháp quy do Nhà nước ban hành, vì vậy buộc giáo viên phải nghiên cứu để thực hiện đúng quy định, đồng thời Nhà nước và các cấp quản lý giáo dục căn cứ vào đó để tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động dạy học của nhà trường và giáo viên.

Trong chương trình dạy học đã quy định rõ về vị trí, mục tiêu môn học, giáo viên cần bám sát vào đó để dạy học đạt mục tiêu đã quy định.

Trong một số tài liệu hiện nay có quan niệm chương trình dạy học bao gồm cả kế hoạch dạy học. Trong thực tế vẫn có thể thiết kế một chương trình bao gồm cả kế hoạch trong đó. Nhưng ở nước ta, kế hoạch và chương trình dạy học là hai văn bản khác nhau. Khi triển khai dạy học, có sự phối hợp giữa việc thực hiện chương trình và kế hoạch, chương trình được triển khai theo kế hoạch.

Chương trình dạy học là một thành tố rất quan trọng. Việc tổ chức đổi mới nội dung dạy học theo hướng hiện đại, cập nhập, phù hợp với thực tiễn, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh thì một trong những vấn đề quyết định là phải xây dựng chương trình đáp ứng được yêu cầu đó.

Xây dựng chương trình theo kỹ thuật truyền thống được tiến hành theo hai cách: theo đường thẳng hoặc đồng tâm.

c. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

Sách giáo khoa và các tài liệu học tập khác dùng chung trong các trường học (phổ thông) do nhà nước quy định.

Sách giáo khoa là tài liệu giảng dạy và học tập chính thức của giáo viên và học sinh, trong đó trình bày nội dung của môn học một cách rõ ràng, cụ thể và chi

tiết với cấu trúc xác định. Sách giáo khoa là hình thái vật chất của môn học, của nội dung học vấn mà môn học thể hiện.

Sách giáo khoa trình bày những nội dung cơ bản, những thông tin cần thiết, vừa sức đối với học sinh và theo một hệ thống chặt chẽ.

Sách giáo khoa giúp học sinh lĩnh hội, củng cố, đào sâu những tri thức tiếp thu được trên lớp, phát triển trí tuệ và giáo dục các phẩm chất nhân cách của học sinh. Đối với giáo viên, đó là cơ sở để xác định nội dung, lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học để tổ chức tốt công tác dạy học của mình.

Ngoài sách giáo khoa, ở trường phổ thông còn có những sách và các tài liệu tham khảo khác cho giáo viên và học sinh. Các tài liệu này giúp học sinh mở rộng, bổ sung, đào sâu kiến thức phù hợp với trình độ và hứng thú học tập của mình.

Sách giáo khoa và các tài liệu học tập khác phải đảm bảo các yêu cầu: khoa học, hệ thống, vừa sức học sinh, phù hợp với chương trình, giúp học sinh có phương pháp học tập độc lập, kích thích tư duy, mở rộng tầm hiểu biết của học sinh, rõ ràng, dễ hiểu, gọn, chính xác, đảm bảo yêu cầu vệ sinh, thẩm mỹ, thu hút được học sinh vào phân trọng tâm.

2.3. Phương pháp dạy học

2.3.1. Khái niệm phương pháp dạy học

a. Khái niệm phương pháp

- Là cách thực tiến hành một cách tự giác, tuân tự, nhằm đạt đến kết quả phù hợp với mục đích đã định.

- Cấu trúc của phương pháp:

+ Mặt khách quan của phương pháp: Những qui luật khách quan của đối tượng mà chủ thể tác động phải nhận thức.

+ Mặt chủ quan của phương pháp: Là những biện pháp, thao tác mà chủ thể sử dụng để tác động lên các qui luật khách quan để nhận thức, cải biến các hiện tượng.

b. Khái niệm phương pháp dạy học

-Định nghĩa

Phương pháp dạy học là tổ hợp các cách thức hoạt động thống nhất giữa giáo viên và học sinh, trong đó giáo viên đóng vai trò chủ đạo nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học đã đề ra.

- Cấu trúc phương pháp dạy học

+ Chủ thể tác động - Người GV phải nắm vững những qui luật khách quan chi phối đối tượng tác động là học sinh và nội dung dạy học.

+ Người học là đối tượng đồng thời là chủ thể đối với nội dung dạy học, sự tác động của giáo viên phụ thuộc vào hứng thú, nhu cầu, ý chí của học sinh.

- Mặt bên ngoài và bên trong của phương pháp dạy học

+ Mặt bên ngoài là những cách thức, biện pháp, sự phối hợp các phương pháp, phương tiện.

+ Mặt bên trong của phương pháp dạy học thể hiện ở mức độ tính tích cực nhận thức khác nhau ở người học.

- Chức năng của phương pháp

+ Chức năng nhận thức.

+ Chức năng phát triển năng lực hoạt động trí tuệ.

+ Chức năng giáo dục..

- Phương pháp dạy học tích cực: Việc lựa chọn và vận dụng phối hợp các phương pháp theo cách tiếp cận lấy hoạt động của người học làm trung tâm, nghĩa là việc vận dụng và phối hợp các phương pháp như thế nào để người học được hoạt động tích cực (nhận thức-thực hành) để khám phá ra tri thức.

2.3.2. Hệ thống các phương pháp dạy học

2.3.2.1. Nhóm phương pháp tổ chức thực hiện hoạt nhận thức-học tập

a. Phân nhóm phương pháp dạy học dùng lời

* Phương pháp thuyết trình

- Định nghĩa: Là cách thức giáo viên dùng lời nói sinh động, giàu hình ảnh để trình bày tài liệu học tập cho học sinh một cách có hệ thống và logic.

- Các phương pháp cụ thể

+Giảng thuật:

. Là một trong những phương pháp thuyết trình mà trong đó giáo viên sử dụng lời nói để miêu tả, trần thuật một sự vật, hiện tượng nào đó.

. Được sử dụng chủ yếu trong những môn học khoa học nhân văn-xã hội, còn đối với những môn khoa học tự nhiên dùng để thông báo tri thức lí thuyết hoặc các quan điểm khác nhau.(có thể dùng những trích dẫn để tăng độ chính xác hoặc mở rộng nội dung bài giảng)

+ Giảng giải:

. Là một trong những phương pháp thuyết trình mà trong đó giáo viên sử dụng những luận cứ, số liệu để giải thích, chứng minh, làm sáng tỏ các vấn đề, nguyên tắc, qui luật, định lí...

. Giảng giải thường chứa đựng các yếu tố suy luận và phán đoán, kích thích sự tư duy của học sinh.

+ Giảng diễn:

. Là một trong những phương pháp thuyết trình mà trong đó giáo viên dùng lời nói để trình bày một vấn đề tương đối hoàn chỉnh, có tính phức tạp, trừu tượng và khái quát trong thời gian tương đối dài.

. Sử dụng cho học sinh lớn, tiết kiệm thời gian, có tính khoa học chặt chẽ hơn so với giảng thuật và giảng giải.

- Cấu trúc của phương pháp thuyết trình

+ Đặt vấn đề: Là thông báo vấn đề dưới dạng tổng quát nhằm kích thích sự chú ý ban đầu của học sinh.

+ Phát biểu vấn đề: là nêu lên những câu hỏi cụ thể nhằm vạch ra những vấn đề cần phải xem xét để định hướng cho học sinh vào nội dung cần trình bày và các vấn đề cần giải quyết, qua đó hình thành nhu cầu và hứng thú nhận thức cho học sinh.

+ Giải quyết vấn đề: Có thể tiến hành theo hai cách: Logic qui nạp-Lôgic diễn dịch (qui nạp hay diễn dịch có ba cách trình bày: Phân tích, phát triển, đối chiếu)

+ Kết thúc vấn đề: Tóm tắt các vấn đề cơ bản, trọng tâm của bài học.

- Ưu và nhược điểm:

+ Ưu điểm

. Cho phép sử dụng đối với những bài học có nội dung lí thuyết tương đối khó, phức tạp, trừu tượng, chứa đựng nhiều thông tin mà học sinh không thể tự tìm hiểu.

. Tiết kiệm thời gian, giáo viên chủ động được thời gian trong thực hiện kế hoạch của giáo án.

. Người học nắm được tri thức một cách có hệ thống, hoàn chỉnh đối với những vấn đề tương đối phức tạp.

. Học sinh học được cách trình bày một vấn đề bằng ngôn ngữ nói một cách có lôgic, chính xác, xúc tích và phát triển năng lực chú ý trong quá trình học tập.

. Thuyết trình có khả năng tác động đến nhận thức, tình cảm, ý chí của học sinh. (thông qua ngôn ngữ thuyết trình cử chỉ, điệu bộ của giáo viên).

+ Nhược điểm

. Làm cho quá trình tiếp thu tri thức, kĩ năng, kĩ xảo của học sinh bị thụ động.

. Làm cho lớp học đơn điệu, dễ làm cho học sinh mệt mỏi.

. Giáo viên khó thu thập những thông tin ngược từ học sinh

- Những yêu cầu khi sử dụng

. Nội dung thuyết trình phải là những vấn đề khoa học cơ bản, hiện đại, chính xác, vạch ra được bản chất của vấn đề ý nghĩa tư tưởng chính trị và thực tiễn của tài liệu học tập.

. Cấu trúc bài thuyết trình phải đảm bảo tính lôgic, có hệ thống, dễ hiểu, có dàn ý rõ ràng.

. Ngôn ngữ thuyết trình phải sinh động, giàu hình tượng và có sức biểu cảm

. Trình bày phải đảm bảo cho học sinh ghi chép được những vấn đề cơ bản

. Cần vận dụng phối hợp với các phương pháp dạy học khác để nâng cao hiệu quả (vấn đáp, trực quan...)

* Phương pháp vấn đáp

- Định nghĩa: Là phương pháp giáo viên khéo léo đặt ra hệ thống câu hỏi để học sinh trả lời nhằm gợi mở cho họ sáng tỏ những vấn đề mới, tự khám phá ra những tri thức mới bằng cách tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã tích lũy được từ trong cuộc sống; nhằm củng cố, mở rộng, đào sâu, hệ

thống hóa, khái quát hóa những tri thức đã tiếp thu và nhằm kiểm tra, đánh giá, giúp học sinh tự kiểm tra, tự đánh giá việc lĩnh hội tri thức.

- Phân loại

Dựa vào mục đích dạy học:

+vấn đáp gợi mở

+vấn đáp củng cố

+vấn đáp tổng kết

+vấn đáp kiểm tra

Dựa vào mức độ nhận thức của học sinh

+vấn đáp tái hiện

+vấn đáp giải thích-minh họa

+ Vấn đáp tìm tòi-phát hiện

- Ưu-nhược điểm của phương pháp

+ Ưu điểm

. Phát huy tính tích cực, độc lập tư duy của học sinh

.Tạo điều kiện phát triển cho học sinh năng lực trình bày một vấn đề bằng ngôn ngữ nói.

.Tạo ra bầu không khí học tập sôi nổi, hào hứng

. Giáo viên có điều kiện thu thập những thông tin ngược từ học sinh.

+ Nhược điểm

. Làm mất thời gian, dễ ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học

. Nếu sử dụng không khéo léo dễ dẫn đến cuộc tranh luận tay đôi không có hiệu quả.

- Yêu cầu khi vận dụng

+ Việc xây dựng câu hỏi

. Căn cứ vào mục đích của bài học

. Nội dung câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng dễ hiểu phù hợp với trình độ của học sinh.

. Nội dung câu hỏi phải đảm bảo kích thích tư duy của học sinh.

+ Tổ chức thực hiện

. Cần có thái độ tôn trọng và khuyến khích học sinh trong quá trình vấn đáp.

- . Cần có câu hỏi phụ để gợi mở cho học sinh trả lời.
- . Đặt câu hỏi trước cho cả lớp rồi sau đó gọi học sinh trả lời.

b. Phân nhóm phương pháp dạy học trực quan

* Khái niệm

Là phương pháp giáo viên sử dụng các phương tiện kỹ thuật và đồ dùng dạy học trực quan trong dạy học nhằm tổ chức cho học sinh quan sát nắm vững tài liệu học tập.

* Các phương pháp cụ thể

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trình bày trực quan

* Yêu cầu khi sử dụng

- Việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp trực quan cần căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ, vốn kinh nghiệm của học sinh.

- Việc sử dụng các phương pháp trực quan phải đảm bảo đúng lúc, đúng chỗ, và số lượng hợp lí.

- Phương tiện trực quan phải đảm bảo tính chính xác, tránh gây biểu tượng sai lệch

- Phương tiện trực quan phải đảm bảo tính thẩm mỹ, khoa học

- Phương tiện trực quan phải phát triển được năng lực quan sát của học sinh.

- Học sinh phải sử dụng nhiều loại giác quan khác nhau để quan sát và quan sát ở nhiều góc độ khác nhau.

- Kết hợp việc trình bày phương tiện trực quan với ngôn ngữ đi kèm để học sinh quan sát tốt, có các cách phối hợp sau.

+ Dưới sự chỉ đạo bằng lời của giáo viên, học sinh quan sát trực tiếp đối tượng, rồi từ đó rút ra kết luận.

+ Trên cơ sở quan sát các đối tượng và dựa vào tri thức đã học của học sinh, giáo viên hướng dẫn học sinh biện luận nêu mối quan hệ giữa các hiện tượng bằng cách qui nạp

+ Trình bày các sự kiện, kết luận, rồi sau đó minh họa bằng phương tiện trực quan.

+ Giáo viên mô tả các sự kiện bằng lời rồi kích thích học sinh tái hiện lại những tri thức đã học có liên quan để giải thích hiện tượng đó, tiếp theo giáo viên trình bày phương tiện trực quan để minh họa khẳng định điều đã trình bày.

* Ưu - nhược điểm của phương pháp

- Ưu điểm

+ Tạo điều kiện cho học sinh dễ tiếp thu bài

+ Tạo ra bầu không khí học tập tích cực

+ Phát triển ở người học năng lực chú ý, quan sát, óc tò mò khoa học

- Nhược điểm

+ Nếu quá lạm dụng các phương tiện trực quan trong dạy học sẽ hạn chế tư duy trừu tượng ở học sinh.

+ Nếu sử dụng không khéo léo dễ gây ra sự phân tán chú ý của học sinh trong quá trình học tập.

c. Phân nhóm phương pháp dạy học thực hành

* Phương pháp ôn tập

- Khái niệm: Là phương pháp tổ chức các hoạt động khác nhau nhằm giúp học sinh củng cố, mở rộng, khái quát hoá, hệ thống hoá các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã học, phát triển trí nhớ, tư duy cho học sinh. Đồng thời qua đó để điều chỉnh những sai lầm trong hệ thống tri thức của học sinh.

- Các dạng ôn tập

+ Ôn tập thường xuyên (ôn tập bước đầu): Thường sử dụng ngay sau khi lĩnh hội tri thức mới

+ Ôn tập định kì (khái quát hoá, hệ thống hoá) sử dụng ngay sau khi học một số chương, hết môn...

một số yêu cầu khi vận dụng.

+ Ôn tập phải có kế hoạch, hệ thống và thường xuyên.

+ Ôn tập với nhiều hình thức khác nhau, xen kẽ nhiều môn.

+ Ôn tập phải phát huy tích cực, độc lập trong hoạt động nhận thức của học sinh.

+ Cần hướng dẫn học sinh biết cách xây dựng kế hoạch và phương pháp tự ôn tập.

* Phương pháp luyện tập

- Khái niệm: Là cách thức tổ chức cho học sinh lặp đi, lặp lại nhiều lần những thao tác trí tuệ, những hành động thực tiễn nhất định nhằm hình thành và củng cố tri thức, kĩ năng, kĩ xảo cho học sinh.

- Hình thức : Nói, viết và hành động thực tiễn, luyện tập vận dụng vào điều kiện mới, luyện tập có tính sáng tạo, luyện tập trong hoạt động thực tiễn.

- Một số yêu cầu khi luyện tập

+ Phải nắm vững tri thức lí thuyết rồi mới luyện tập

+ Phải đảm bảo tính hệ thống, lôgic

+ Luyện tập phải thường xuyên, liên tục

+ Cần giáo dục ý thức tự luyện tập cho học sinh

+ Cần giúp đỡ học sinh khắc phục những khó khăn trong quá trình luyện tập

+ Luyện tập trong nhiều tình huống và mức độ khác nhau để phát huy khả năng sáng tạo của học sinh.

* Phương pháp công tác độc lập:

- Phương pháp công tác độc lập là phương pháp học sinh thực hiện hoạt động của mình dưới sự điều khiển gián tiếp của giáo viên theo nhiệm vụ học tập do giáo viên đề ra.

Dạng phổ biến nhất của phương pháp công tác độc lập là phương pháp làm việc với sách giáo khoa và các tài liệu học tập khác.

- Ý nghĩa của việc dùng sách:

Sách giáo khoa và tài liệu học tập có ý nghĩa to lớn vì nó là nguồn tri thức phong phú, đa dạng, sinh động, hấp dẫn được trình bày chi tiết, logic, chặt chẽ. Trong sách giáo khoa, nội dung dạy học đã được lựa chọn, xây dựng một cách hệ thống, khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh

- Ưu điểm và hạn chế của phương pháp dạy học qua đọc sách và các tài liệu:

+ Ưu điểm:

. Phát triển kỹ năng đọc sách- một kỹ năng rất quan trọng đối với mọi người.

. Phát triển kỹ năng tự học, như tra cứu, tìm kiếm và tiếp nhận thông tin hiệu quả.

. Cho phép học sinh chủ động học theo tốc độ riêng tùy theo khả năng mỗi người mà không ảnh hưởng đến người khác.

+ Hạn chế:

. Học qua đọc sách và tài liệu khác với đọc thông thường. Vì có khi phải đọc những sách và tài liệu mà học sinh không thật sự hứng thú. Điều này ảnh hưởng tới hiệu quả học qua đọc sách và tài liệu.

. Các sách và tài liệu để học hiện nay rất phong phú, trong đó có những quan điểm rất khác nhau về một vấn đề. Vì vậy học sinh phải tìm đọc nhiều tài liệu và gặp khó khăn trong việc hệ thống hóa những thông tin trong nhiều sách và tài liệu học tập.

. Học qua đọc là hoạt động độc lập, đòi hỏi phải phát huy trí lực, sức lực và sự tập trung cao, vì vậy cần có không gian và thời gian thích hợp.

. Trong các tài liệu học tập thường trình bày thông tin ở dạng khái quát và trừu tượng, vì vậy đòi hỏi học sinh phải suy nghĩ, nhiều khi phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới có thể hiểu được.

- *Yêu cầu của việc dùng sách*

Trong quá trình dạy học, nhiệm vụ của giáo viên là giúp học sinh làm việc và học tập có hiệu quả cao thông qua đọc sách và các tài liệu. Để làm được điều đó giáo viên phải:

+ Xác định cho học sinh những nội dung cần phải nghiên cứu.

+ Hướng dẫn học sinh đọc theo trình tự hợp lý, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, cái gì đọc trước, cái gì đọc sau.

+ Hướng dẫn học sinh kết hợp đọc và suy nghĩ, suy nghĩ và đọc, đặt ra các câu hỏi, các vấn đề cho học sinh và hướng dẫn học sinh đọc tài liệu nào, ở đâu để có thể giải đáp được vấn đề đó. Đồng thời cũng hướng dẫn học sinh tự đặt ra các câu hỏi và tự đọc tài liệu để trả lời các câu hỏi đó.

+ Hướng dẫn học sinh trình tự đọc một cuốn sách: xem tên sách có liên quan tới chủ đề cần học không, đọc mục lục, lời giới thiệu hoặc tóm tắt xem có thông tin

gì mới không, đọc lướt, tìm ý chính và nắm được bố cục của sách sau đó đi vào nghiên cứu từng phần, từng nội dung cụ thể.

+ Gợi hứng thú và tính tò mò ham hiểu biết của học sinh bằng việc giới thiệu những điều hay, điều thú vị trong sách để học sinh tìm đọc.

+ Yêu cầu học sinh đọc và nêu những vấn đề còn chưa rõ, chưa hiểu. Giáo viên tùy theo hoàn cảnh mà gợi ý để học sinh tiếp tục suy nghĩ, tự học hoặc giải thích cho học sinh hiểu rõ ngay.

+ Hướng dẫn học sinh cách ghi chép, lập dàn ý, xây dựng đề cương, ghi tóm tắt và chú thích địa chỉ thông tin để khi cần có thể tra cứu lại mà không mất thời gian.

- Yêu cầu với giáo viên:

+ Khi chuẩn bị lên lớp: cần nghiên cứu kỹ sách giáo khoa để xác định những phần học sinh tự đọc, những phần học sinh đọc hiểu những cần được giải thích, những phần học sinh không tự hiểu được...

+ Hướng dẫn học sinh sử dụng sách phù hợp yêu cầu học tập và đặc điểm nhận thức.

+ Đề phòng, chống các xu hướng thoát ly hẳn sách giáo khoa hoặc phụ thuộc quá nhiều vào sách giáo khoa.

* Phương pháp công tác thí nghiệm

- Khái niệm: Phương pháp làm thí nghiệm là phương pháp dạy học dưới sự chỉ đạo của giáo viên, học sinh sử dụng những thiết bị với phương pháp thực nghiệm để làm sáng tỏ, khẳng định những luận điểm lý thuyết mà giáo viên đã trình bày nhằm củng cố, đào sâu những tri thức đã lĩnh hội hoặc vận dụng lý luận để nghiên cứu những vấn đề do thực tiễn đề ra.

- Ý nghĩa:

+ Giúp học sinh nắm vững tri thức, tin tưởng vào tính chính xác của các tri thức khoa học.

+ Phát triển hứng thú, sự tò mò khoa học, hình thành những kỹ năng, kỹ xảo quan sát.

+ Liên hệ trực tiếp với nhiều phương pháp khác như quan sát, luyện tập, giải thích..

- + Bồi dưỡng năng lực và phẩm chất của người lao động như giữ gìn, chăm sóc, bảo vệ máy móc, tính gọn gàng, cẩn thận, ngăn nắp....

- + Giúp học sinh làm quen với công tác nghiên cứu khoa học.

Tùy theo điều kiện trang thiết bị thí nghiệm của nhà trường và tính chất phức tạp của công tác thí nghiệm, học sinh có thể tiến hành thí nghiệm cá nhân hay nhóm.

- Khi tiến hành thí nghiệm:

- + Giáo viên giúp học sinh xác định rõ đề tài, mục đích, yêu cầu thí nghiệm, chỉ dẫn nội dung và các giai đoạn thí nghiệm với các công cụ, thiết bị cần thiết.

- + Giáo viên phân học sinh thành từng nhóm nếu cần thiết.

- + Học sinh độc lập làm thí nghiệm, ghi chép và viết bảng tường trình trong khi đó giáo viên chỉ giám sát để chỉ đạo, uốn nắn kịp thời.

- + Giáo viên chỉ định học sinh báo cáo kết quả thí nghiệm, cho học sinh nhận xét lẫn nhau và cuối cùng tổng kết.

* Phương pháp dạy học tình huống:

Phương pháp dạy học tình huống là phương pháp dạy học giáo viên sử dụng một tình huống cụ thể có thực hoặc hư cấu đòi hỏi phải giải quyết như một bài toán hoặc một vấn đề.

2.3.2.2. Nhóm phương pháp kích thích và hình thành động cơ hoạt động nhận thức - học tập.

a. Phương pháp hình thành hứng thú nhận thức

- Ý nghĩa: Trong quá trình dạy học, cần lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phải hình thành sự hứng thú, kích thích tính tò mò ham hiểu biết của học sinh. Những yếu tố đó có tác dụng kích thích con người hành động và hành động một cách có hiệu quả.

- Biện pháp hình thành hứng thú nhận thức:

- + Cần lựa chọn nội dung dạy học có tác động kích thích mạnh mẽ đến hứng thú nhận thức của học sinh.

- + Tổ chức trò chơi nhận thức - học tập.

- + Tạo hoàn cảnh để học sinh đạt được kết quả học tập

- + Ngôn ngữ của giáo viên phải đảm bảo tính nghệ thuật, diễn cảm, rõ ràng, mạch, mạch lạc, gây biểu tượng chính xác.

b. Phương pháp kích thích động cơ nghĩa vụ và trách nhiệm đối với học tập.

- Ý nghĩa: Trong quá trình dạy học, ngoài việc hình thành hứng thú nhận thức cho học sinh, giáo viên còn phải hình thành cho học sinh động cơ nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động học tập của mình, chính động cơ nghĩa vụ và trách nhiệm tạo cho học sinh sự nỗ lực, phấn đấu vượt qua những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Biện pháp;

+ Giúp học sinh hiểu được ý nghĩa của việc học.

+ Đề ra các yêu cầu học tập cho học sinh.

+ Khen thưởng và trách phạt một cách phù hợp trong dạy học.

2.3.3. Việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học.

2.3.3.1. Cơ sở của việc lựa chọn và vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học.

- Đảm bảo sự phù hợp của phương pháp dạy học với các nguyên tắc dạy học.

- Lựa chọn, kết hợp các phương pháp dạy học cần căn cứ vào nội dung dạy học ở từng môn học, từng bài, từng mục.

- Căn cứ vào đặc điểm lứa tuổi học sinh.

- Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với năng lực sư phạm của giáo viên.

- Căn cứ vào thời gian, thời lượng, số lượng học sinh để lựa chọn phương pháp dạy học cho phù hợp.

- Căn cứ vào điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật để lựa chọn phương pháp dạy học.

2.3.3.2. Ý nghĩa của việc lựa chọn và vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học.

Mỗi nhóm phương pháp dạy học nói chung và từng phương pháp dạy học nói riêng đều có những ưu, nhược điểm nhất định, không có phương pháp nào là vạn năng. Do vậy, trong quá trình dạy học, để nâng cao hiệu quả, giáo viên cần phải biết lựa chọn và vận dụng một cách hợp lý các phương pháp dạy học, nhằm phát huy tối đa ưu điểm của từng phương pháp, đồng thời hạn chế tối đa nhược điểm của từng phương pháp.

2.4. Hình thức tổ chức dạy học

2.4.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học.

a. Hình thức tổ chức dạy học là gì? Hình thức tổ chức dạy học là những cách thức tiến hành hoạt động dạy và học thống nhất giữa giáo viên và học sinh được thực hiện theo một trình tự và chế độ nhất định nhằm đảm bảo các nhiệm vụ dạy học.

b. Hình thức tổ chức dạy học được phân biệt với nhau bởi các yếu tố:

- Số lượng học sinh tham gia
- Thời gian tiến hành hoạt động học tập
- Không gian tiến hành hoạt động học tập
- Tính chất hoạt động của giáo viên và học sinh
- Mục tiêu cần đạt của bài học.
- Điều kiện hoàn cảnh địa lý nơi tiến hành dạy học.

Từ sự kết hợp các yếu tố này, có nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau:

- Xét theo số lượng học sinh, có các hình thức tổ chức dạy học: học cá nhân, học nhóm, học tập thể.

- Xét theo thời gian học tập: có hình thức tổ chức dạy học ở nhà, học tại lớp, học trong phòng thí nghiệm, học tại trường..

- Xét theo đặc điểm hoạt động của thầy và trò có bài lên lớp, giờ thảo luận, bài luyện tập, rèn kỹ năng, kỹ xảo.

- Xét theo mục tiêu cần đạt kết quả của bài dạy, có bài học tri thức mới, bài luyện tập, bài ôn tập, bài kiểm nghiệm....

- Xét theo điều kiện vị trí địa lý tiến hành tổ chức dạy học, có dạy lớp ghép, dạy từ xa...

⇒ Hình thức tổ chức dạy học đa dạng, phong phú, mỗi hình thức tổ chức dạy học có điểm mạnh, điểm yếu...

c. Hệ thống các hình thức tổ chức dạy học:

- Hình thức lớp - bài (hình thức tổ chức dạy học lên lớp)
- Hình thức học tập nhóm nhỏ tại lớp.
- Hình thức tự học

- Hình thức thảo luận
- Hình thức hoạt động ngoại khóa
- Hình thức tham quan học tập
- Hình thức giúp đỡ riêng (phụ đạo)
- Hình thức trò chơi học tập - nhận thức.

2.4.2. Những hình thức tổ chức dạy học ở trường THCS.

2.4.2.1. Hình thức lên lớp

a. Định nghĩa, đặc trưng, các dạng, ưu nhược điểm của hình thức lên lớp

* Định nghĩa:

Hình thức dạy học lên lớp là một hình thức tổ chức dạy học mà với hình thức đó, trong suốt một thời gian học tập được quy định một cách chính xác ở một địa điểm riêng biệt, giáo viên chỉ đạo hoạt động nhận thức có tính chất tập thể ổn định, với thành phần học sinh không đổi, đồng thời chú ý đến đặc điểm của từng học sinh, sử dụng các phương pháp và phương tiện dạy học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh nắm vững tài liệu học tập một cách trực tiếp từ giáo viên, cũng như làm phát triển năng lực nhận thức và giáo dục họ.

*. Những dấu hiệu đặc trưng của hình thức lên lớp:

- Lớp học có thành phần không đổi trong mọi giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó có nghĩa là học sinh gần như có sự tương đồng về lứa tuổi, về sự phát triển nói chung, về trình độ nhận thức, đặc điểm tâm sinh lý.

- Giáo viên chỉ đạo hoạt động nhận thức của cả lớp, đồng thời chú ý đến những đặc điểm của từng học sinh. Điều đó đòi hỏi số lượng học sinh trong một lớp không thể quá đông để giáo viên có thể chỉ đạo hoạt động nhận thức của cả lớp, đồng thời có thể chú ý đến đặc điểm của từng học sinh.

- Học sinh nắm tài liệu học tập một cách trực tiếp từ giáo viên tại lớp.

Đây là những dấu hiệu đặc trưng của hình thức lên lớp. Nếu thiếu một trong 3 dấu hiệu đó thì không thể gọi là hình thức lên lớp.

*. Các dạng tổ chức của hình thức lên lớp:

- Dạng tập thể
- Dạng nhóm
- Dạng cá nhân.

*.Ưu - Nhược điểm của hình thức lên lớp

Ưu điểm:

- Tạo điều kiện đào tạo hàng loạt học sinh đáp ứng yêu cầu của phổ cập giáo dục.

- Đảm bảo học sinh lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo một cách có kế hoạch, có hệ thống, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, các yêu cầu về mặt sư phạm...

- Đảm bảo sự thống nhất trong cả nước về kế hoạch, nội dung dạy học.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc bồi dưỡng tinh thần tập thể cũng như những phẩm chất nhân cách.

Nhược điểm:

- Học sinh không có đủ thời gian để nắm vững ngay tri thức và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.

- Giáo viên không có điều kiện để chú ý đầy đủ đến đặc điểm nhận thức riêng của học sinh, không tổ chức được sự liên hệ ngược.

Vì vậy, hình thức lên lớp là hình thức dạy học cơ bản, song không phải là hình thức dạy học duy nhất.

b. Các loại bài học và cấu trúc của nó

*.Các loại bài học:

Dựa vào mục đích và tính chất dạy học, phân thành 6 loại bài học:

- Bài lĩnh hội tri thức mới

- Bài hình thành kỹ năng, kỹ xảo.

- Bài vận dụng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

- Bài khái quát và hệ thống hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

- Bài kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

- Bài hỗn hợp.

*. Cấu trúc bài học:

Cấu trúc bài học được chia thành cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô

- Cấu trúc vĩ mô: đề cập đến những yếu tố không đổi và những yếu tố cơ bản của bài học, ví dụ: tổ chức lớp, tích cực hóa tri thức, giảng bài mới...

- Cấu trúc vi mô: đề cập đến những yếu tố góp phần thực hiện cấu trúc vĩ mô, dựa và tính động của bài học, bao gồm phương pháp, phương tiện dạy học...

Cấu trúc bài học được nói đến ở đây là cấu trúc vĩ mô.

Bài lĩnh hội tri thức mới

Mục đích: tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới.

Các bước tổ chức thực hiện như sau:

- Tổ chức lớp: Là công việc mà giáo viên phải chú ý trong cả tiết học, tuy nhiên, việc tổ chức lớp vào đầu tiết học là nhằm thu hút sự tập trung chú ý học tập của học sinh khi tiết học bắt đầu. Có nhiều cách để thu hút sự chú ý của học sinh và được tiến hành một cách linh hoạt tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

- Tích cực hóa những kinh nghiệm cảm tính và những tri thức đã có của học sinh để làm chỗ dựa cho việc nắm tri thức mới. Để thực hiện hoạt động này, giáo viên có thể nêu ra những câu hỏi hoặc các bài tập tình huống có vấn đề. Về hình thức, có thể dưới dạng kiểm tra vì qua kiểm tra sẽ có tác dụng kích thích, động viên học sinh tích cực tái hiện kinh nghiệm và kiến thức đã có, làm điểm tựa cho việc lĩnh hội tri thức mới.

- Thông báo đề bài, mục đích của bài học. Bước này nhằm nâng cao tính mục đích, tính tổ chức trong hoạt động nhận thức của học sinh. Thực hiện việc này có thể bằng nhiều cách khác nhau. Thông thường thì việc nêu vấn đề, tạo tình huống có vấn đề sẽ có hiệu quả cao hơn cả.

- Học sinh tri giác tài liệu học tập. Tổ chức điều khiển học sinh bằng việc sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học. Điểm cơ bản là làm cho học sinh suy nghĩ tìm ra mối liên hệ có tính quy luật của tài liệu học tập và vạch ra bản chất của sự vật, hiện tượng.

- Khái quát hóa và hệ thống sơ bộ tri thức. Ở bước này, giáo viên có nhiệm vụ làm cho tri thức mà học sinh vừa lĩnh hội hòa lẫn với tri thức đã có thành một hệ thống cấu trúc mới. Phương tiện để làm việc đó là thông qua vấn đáp, lập bảng so sánh, hệ thống hóa, sơ đồ hóa.

- Tổng kết tiết học: Giáo viên thông báo gán gọn những vấn đề học sinh đã lĩnh hội ở mức độ nào và tinh thần, thái độ học tập của cả lớp, đánh giá chung việc học tập của lớp và một số cá nhân tiêu biểu.

- Ra bài về nhà và hướng dẫn việc tự học ở nhà: Công việc này không nhất thiết ở giai đoạn kết thúc của tiết học mà có thể ở giai đoạn khác tùy theo logic của quá trình dạy học. Nếu bài tập là tiếp tục và là kết quả công việc trên lớp thì ra bài về nhà vào cuối tiết học là hợp lý hơn cả. Giáo viên cần chỉ rõ những nội dung trong sách giáo khoa cần thực hiện, tài liệu tham khảo với địa chỉ rất rõ ràng và phương pháp tự học cụ thể, trình tự thực hiện công việc đó.

Bài hình thành kỹ năng, kỹ xảo

Mục đích: tổ chức, điều khiển học sinh luyện tập kỹ năng, kỹ xảo

- Tổ chức lớp

- Tích cực hóa những tri thức lý thuyết và những kinh nghiệm thực hành đã có để làm chỗ dựa hình thành kỹ năng, kỹ xảo mới. Giai đoạn này thường sử dụng phương pháp vấn đáp và ra những bài tập để chuẩn bị cho việc tiếp thu tri thức và kỹ năng, kỹ xảo mới.

- Thông báo đề bài, mục đích của tiết học: Cũng như giờ học lĩnh hội tri thức mới, ở giai đoạn này cần cho học sinh ý thức rõ những kỹ năng, kỹ xảo cần phải nắm và nắm ở mức độ nào.

- Luyện tập mở đầu: Ở bước này, cần làm cho học sinh nhớ lại những khái niệm, lý thuyết, quy tắc hành động tương ứng, trên cơ sở đó thực hiện những bài tập hoặc hành động. Giáo viên có thể nêu lên những câu hỏi, những bài tập tạo cho học sinh những tình huống có vấn đề và giúp họ lần lượt giải quyết. Ngoài ra, để học sinh nắm vững tài liệu lý thuyết, giáo viên có thể sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích những ví dụ điển hình, phương pháp vấn đáp có tính chất tái hiện. Trong lúc này học sinh phải thực hiện các thao tác tư duy và những hành động thực hành khác nhau như so sánh, đối chiếu, khái quát hóa, phán đoán, rút ra những khái niệm, tìm tòi những cách thực hiện hành động.

- Luyện tập thử: Đó là việc luyện tập bước đầu nhằm vận dụng tri thức vừa tiếp thu được. Nhiệm vụ chính của bước này là biến tri thức thành kỹ năng. Chỉ sử dụng giai đoạn này khi học sinh có thể mắc sai lầm do nắm tri thức chưa vững.

Việc luyện tập thử cho học sinh thường đi kèm với việc giải thích bằng

- Luyện tập có tính chất rèn luyện: nhằm hình thành cho học sinh những kỹ xảo trong các điều kiện bình thường, ổn định. Giai đoạn này đòi hỏi tính tự lực cao của học sinh và gia tăng mức độ khó khăn trong luyện tập.

Có 3 loại luyện tập có tính chất rèn luyện là luyện tập theo mẫu, luyện tập theo sự chỉ dẫn và luyện tập theo nhiệm vụ của giáo viên đề ra.

- Luyện tập có tính sáng tạo: tức là luyện tập trong hoàn cảnh mới, vận dụng kiến thức và hành động vào trong những tình huống mới, qua đó tăng cường mối liên hệ giữa dạy học và cuộc sống.

- Tổng kết bài học: Giáo viên nhận xét tình hình học tập của cả lớp và một số học sinh, đánh giá, cho điểm.

- Ra bài về nhà và hướng dẫn học sinh tự học: là những bài tập tổ hợp. Về mặt khối lượng có thể chỉ bằng dưới một nửa công việc ở lớp. chú ý đến trình độ của học sinh. Giáo viên chỉ nêu ra phương hướng thực hiện, không nên giải thích chi tiết cách giải.

* Bài vận dụng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo

Mục đích: tổ chức, điều khiển học sinh độc lập vận dụng những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã học vào thực tiễn.

Các bước tổ chức thực hiện như sau:

- Tổ chức lớp

- Tích cực hóa những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết của học sinh để thực hiện có kết quả những nhiệm vụ đề ra.

- Thông báo cho học sinh đề bài, mục đích và nhiệm vụ của tiết học: Bước này nhằm làm học sinh nhận rõ tính chất của bài làm, cách thực hiện công việc đó, kết quả phải đạt được, cách làm báo cáo kết quả công việc.

- Suy nghĩ nội dung và trình tự vận dụng những hành động thực hành: Ở bước này, học sinh cần hiểu nội dung bản chỉ dẫn; suy nghĩ cần dựa trên những tri thức lý thuyết nào để giải quyết bài làm này; sử dụng các thao tác nào và trình tự các thao tác đó; sử dụng những dụng cụ, thiết bị, máy móc nào.

- Học sinh hoàn thành bài tập dưới sự giúp đỡ, kiểm tra của giáo viên: Giáo viên, hướng dẫn học sinh thông qua việc đưa ra các câu hỏi và bài tập. Học sinh hoàn thành bài tập theo nhóm hoặc cá nhân.

Giáo viên cần chú ý đến đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân cho phù hợp với mức độ khó của bài tập

- Học sinh khái quát và hệ thống hóa kết quả công việc: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao, học sinh phải phân tích một cách cẩn thận kết quả đã đạt được, hệ thống hóa những kết quả đó bằng biểu đồ, sơ đồ, đồ thị, phân tích, so sánh, khái quát những số liệu và được trình bày dưới dạng kết luận, định luật, quy tắc.

- Tổng kết tiết học: Giáo viên tổng kết những kết quả, thái độ và phương pháp tiến hành của cả lớp và những học sinh đặc biệt.

* Bài hệ thống hóa, khái quát hóa, tri thức kỹ năng, kỹ xảo

Mục đích: tổ chức, điều khiển học sinh hệ thống hóa, khái quát hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo sau khi học xong một chương, một phần hay toàn bộ chương trình môn học.

Cấu trúc

- Tổ chức lớp

- Thông báo cho học sinh đề bài, mục đích và nhiệm vụ của tiết học

- Khái quát hóa những sự kiện, hiện tượng riêng lẻ: Ở bước này, giáo viên thường dùng những phương pháp đàm thoại, trình bày đồ dùng trực quan, phân tích các bảng, biểu đồ, sơ đồ giúp học sinh ý thức nhiệm vụ đúng đắn, sâu sắc, đầy đủ để hiểu rõ bản chất của hiện tượng.

- Khái quát hóa và hệ thống hóa những khái niệm, trên cơ sở đó hình thành cho học sinh lý thuyết cơ bản và tư tưởng chủ đạo của khoa học: thông qua đàm thoại và lập ra những sơ đồ và bảng biểu, giáo viên vạch ra mối quan hệ và liên hệ của những khái niệm cũng như các thứ bậc của chúng, qua đó mà hệ thống hóa tri thức.

- Tổng kết tiết học

- Ra bài về nhà và hướng dẫn học sinh tự học, tự nghiên cứu.

*Bài kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và trả bài kiểm tra

Bài kiểm tra:

Mục đích: kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.

Việc kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo có thể tiến hành trong những giai đoạn khác nhau của quá trình dạy học. Trong từng giai đoạn, việc kiểm tra có vai trò, chức năng cơ bản khác nhau và bằng những hình thức kiểm tra khác nhau.

Cấu trúc

- Tổ chức lớp.
- Trình bày những yêu cầu khi làm bài kiểm tra.
- Đọc đề kiểm tra.
- Giáo viên quan sát học sinh làm bài.
- Học sinh nộp bài kiểm tra.
- Nhận xét thái độ làm bài của học sinh.

Loại bài kiểm tra vẫn đáp được thực hiện như sau:

- Tổ chức lớp.
- Trình bày những yêu cầu khi làm bài kiểm tra.
- Học sinh lần lượt bốc thăm.
- Học sinh chuẩn bị trả lời những nội dung kiểm tra.
- Học sinh lần lượt trình bày nội dung trả lời câu kiểm tra của mình.
- Giáo viên hỏi lại và học sinh trả lời.
- Giáo viên đánh giá, cho điểm.
- Giáo viên nhận xét kết quả, thái độ của học sinh trong khi kiểm tra.
- Ra bài về nhà và hướng dẫn tự học.

Trả bài kiểm tra

Tổ chức lớp.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá chung chất lượng tri thức của học sinh qua kết quả kiểm tra.

- Giáo viên nêu nên những sai lầm chung của cả lớp và những sai lầm điển hình, nghiêm trọng.

- Giáo viên chỉ đạo lớp cùng nhau giải quyết nội dung bài kiểm tra và yêu cầu học sinh hệ thống hóa cách giải bài kiểm tra đó.

-Phát bài lại cho học sinh và yêu cầu học sinh nêu nên những thắc mắc của mình về cách đánh giá của giáo viên.

- Học sinh tự sửa chữa những sai lầm của mình.

-Tổng kết tiết học.

- Ra bài về nhà và hướng dẫn học sinh tự học.

Chú ý: Các công việc trên có tính chất định hướng, trong quá trình dạy học các giờ học khác nhau, giáo viên cần vận dụng linh hoạt các bước cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể để đạt được mục tiêu dạy học hiệu quả nhất, tránh máy móc, dập khuôn.

* Bài hỗn hợp

Mục đích: nhằm vào nhiều mục đích, do đó trong cấu trúc có những yếu tố lấy từ các bài học khác. Chẳng hạn, mục đích bài lĩnh hội tri thức mới kết hợp với mục đích kiểm tra tri thức; mục đích bài khái quát hóa, hệ thống hóa tri thức kết hợp với mục đích hình thành kỹ năng, kỹ xảo.

Cấu trúc

- Tổ chức lớp.

- Thông báo đề bài, mục đích, nhiệm vụ bài học.

- Giảng bài mới, tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức.

- Tổ chức cho học sinh hệ thống hóa bài học.

- Tổng kết.

- Ra bài về nhà.

c. Yêu cầu đối với bài học

* Yêu cầu về mặt giáo dục:

- Giáo viên phải bồi dưỡng cho học sinh thế giới quan khoa học, chủ nghĩa Mac- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Giáo viên cần kịp thời uốn nắn những hành vi lệch lạc ở học sinh.

- Giáo viên cần gắn chặt công tác tư tưởng với nội dung bài học.

* Yêu cầu về mặt lý luận dạy học:

- Căn cứ chương trình, sách giáo khoa cần xây dựng hệ thống các bài học thuộc nhiều loại khác nhau, tùy vào mục đích, nhiệm vụ bài học.

- Giáo viên cần lập hệ thống bài giảng theo chương mục và soạn giáo án từng tiết giảng. Trong hệ thống bài giảng đó cũng như chương mục từng giáo án, phải xác định rõ mục tiêu, phương pháp, phương tiện dạy học cần sử dụng.

- Xây dựng và thực hiện linh hoạt cấu trúc bài học.

- Vận dụng linh hoạt nguyên tắc, phương pháp, phương tiện dạy học.

- Trong việc chỉ đạo hoạt động học tập của học sinh, phải biết kết hợp hoạt động của tập thể với tính tự lực của học sinh. Vì vậy trong từng tiết học cần xác định rõ lúc nào thì tiến hành hoạt động chung của cả lớp, lúc nào cần tiến hành hoạt động độc lập của từng học sinh, lúc nào tiến hành theo từng nhóm và đảm bảo từng thành viên của nhóm tham gia tích cực vào hoạt động đó.

- Kết hợp hài hòa giữa hoạt động của giáo viên và hoạt động của học sinh nhằm đảm bảo vai trò chủ đạo của thầy và vai trò tích cực, độc lập của trò.

- Thường xuyên củng cố tri thức, kỹ năng, kỹ xảo bằng cách ôn tập, tái hiện, vận dụng chúng để giải quyết các bài tập nhận thức và những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

- Tổ chức phù hợp việc củng cố, ôn tập, kiểm tra đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.

- Phải cá biệt hóa công tác dạy học.

* Yêu cầu về mặt tâm lý:

- Giáo viên phải nắm đặc điểm tâm lý chung của cả lớp và của từng học sinh để có biện pháp tác động phù hợp. Thái độ của học sinh đối với tri thức, đối với học tập có ảnh hưởng to lớn đối với kết quả tiết học. Thái độ này phụ thuộc vào động cơ, nhu cầu học tập của học sinh. Do đó, giáo viên cần tìm mọi biện pháp để giúp học sinh xác định đúng động cơ, tạo cho họ nhu cầu học tập.

- Giáo viên cần bồi dưỡng tinh thần, thái độ tích cực, tự giác học tập của học sinh.

- Giáo viên cần chú ý đến việc bồi dưỡng hứng thú nhận thức cho học sinh.

- Giáo viên phải có thái độ đúng mực với học sinh. Bản thân người giáo viên phải biết tự chủ, tự kiểm tra để khắc phục những biểu hiện tâm lý tiêu cực của mình, chẳng hạn như thái độ nóng nảy, bực bội hoặc thiếu tự tin, hoặc quá tự tin,

hoặc có những đùa cợt nhưng không thích hợp... Giáo viên cần thân mật với học sinh nhưng không suông sã, vui vẻ nhưng không đùa cợt...

- Giáo viên cần thể hiện những phẩm chất văn hóa sư phạm của người giáo viên khi lên lớp, trong giao tiếp với học sinh: tính mẫu mực, tôn trọng nhân cách học sinh...

* Yêu cầu về mặt vệ sinh:

Để bảo vệ sức khỏe của học sinh, trong quá trình dạy học cần tránh làm cho học sinh mệt mỏi về trí lực cũng như về thể lực, đồng thời cần quan tâm đến chế độ ánh sáng, nhiệt độ, sự sạch sẽ của lớp học và môi trường xung quanh lớp học. Để tránh sự mệt mỏi cho học sinh, gv cần tránh tính đơn điệu, buồn tẻ trong cách dạy, tông giọng nói đều đều, cần thay đổi các dạng học tập khác nhau, tránh đề ra quá nhiều và quá cao những yêu cầu đối với học sinh.

d. Việc chuẩn bị lên lớp

- Chuẩn bị dài hạn Việc chuẩn bị dài hạn cho cả năm học hoặc cho từng học kỳ bao gồm những công việc sau:

+ Tìm hiểu học sinh lớp mình giảng dạy về kết quả học tập – giáo dục, thái độ và phong trào học tập, tư dưỡng của lớp, đặc điểm tâm lý chung của lớp và những học sinh cá biệt, phong cách sư phạm của những giáo viên đã hoặc đang giảng dạy ở lớp đó. Trên cơ sở đó mà đề ra yêu cầu hợp lý đối với học sinh.

+ Nghiên cứu kỹ chương trình, nội dung tài liệu dạy học, trên cơ sở đó để thu thập, lựa chọn tài liệu cho từng tiết học, phương pháp, phương tiện dạy học, những hình thức tổ chức dạy học thích hợp.

+ Tìm hiểu những phương tiện dạy học có ở trường để có kế hoạch tự tạo hoặc đề nghị trang bị những phương tiện mới; những tài liệu có trong sách báo của trường để có kế hoạch cùng với học sinh xây dựng nên tủ sách của lớp. Qua đó mà có những dự định đổi mới phương pháp dạy học.

+ Nghiên cứu những tài liệu hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cơ quan quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch dạy học theo chương mục cả năm học hay từng kì học của mình và trao đổi với nhóm chuyên môn.

- Chuẩn bị trực tiếp cho từng tiết lên lớp:

Công việc này bao gồm việc phân tích nội dung sách giáo khoa, soạn giáo án và chuẩn bị những điều kiện cho việc lên lớp.

e. Lên lớp và sau khi lên lớp

Lên lớp:

- Lên lớp là hoạt động cụ thể của giáo viên nhằm thực hiện toàn bộ giáo án đã vạch ra. Lên lớp là lúc người giáo viên và học sinh tiếp xúc với nhau. Chính trong thời gian đó, người giáo viên thể hiện đầy đủ tính khoa học và tính nghệ thuật trong công tác dạy học và giáo dục của mình, thể hiện tầm hiểu biết, hứng thú niềm tin, tính cách và nói chung là thế giới tinh thần của mình.

- Lên lớp sẽ tiến hành theo giáo án và vận dụng linh hoạt các bước tổ chức thực hiện giờ học cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện và giờ học cụ thể để đạt được mục tiêu dạy học một cách tối ưu.

Người giáo viên phải bao quát lớp học, nhạy cảm, linh hoạt và kịp thời giải quyết các hiện tượng bất thường xảy ra để dành toàn bộ thời gian cho hoạt động dạy học. Cần phải chú ý phân phối, sử dụng thời gian hợp lý.

Tư thế, tác phong của giáo viên phải đúng mực, ăn mặc gọn gàng, ngôn ngữ rõ ràng, trong sáng, truyền cảm...Đạt được các điều đó là do quá trình rèn luyện của giáo viên.

Sau khi kết thúc tiết học, không có nghĩa là công việc của giáo viên đã kết thúc. Để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ sư phạm của mình, người giáo viên cần phải phân tích tiết học để kịp thời điều chỉnh hành động của mình cho hiệu quả. Việc phân tích tiết học cần làm sáng tỏ:

- Chất lượng của việc tích cực hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.
- Chất lượng hình thành những khái niệm và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.
- Chất lượng khái quát hóa và hệ thống hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.
- Chất lượng ra bài về nhà và hướng dẫn học sinh tự học.

Từ đó đánh giá tiết học về: Việc thực hiện mục tiêu, yêu cầu đề ra; cách vận dụng phối hợp các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học; sự phối hợp hoạt động dạy và hoạt động học; việc chỉ đạo cá biệt trong tiến trình dạy; việc sử dụng ngôn ngữ, tác phong sư phạm; việc phân phối thời gian.

Sự phân tích tiết học cần ghi lại để giúp tiến hành những tiết học dạng này vào lần sau đạt hiệu quả cao hơn.

2.4.2.2. Hình thức thảo luận theo nhóm tại lớp

a. Đặc trưng

Hình thức tổ chức dạy học theo nhóm tại lớp là hình thức dạy học có sự kết hợp tính tập thể và tính cá nhân, trong đó học sinh trong nhóm dưới sự chỉ đạo của giáo viên trao đổi những ý tưởng, nguồn kiến thức với nhau, giúp đỡ hợp tác với nhau trong việc hình thành tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. Từng thành viên trong nhóm không chỉ có trách nhiệm với việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của các bạn trong nhóm.

Như vậy, trong hình thức tổ chức dạy học này:

- Lớp học được chia thành nhiều nhóm, trong đó diễn ra sự tác động trực tiếp giữa các thành viên trong nhóm.

- Vai trò của giáo viên: gián tiếp thông qua sự chỉ dẫn được đề ra trước khi tiến hành công tác nhóm và hoạt động nhóm.

- Hoạt động nhóm có vai trò quyết định chủ yếu kết quả lĩnh hội tri thức, rèn luyện knkx của từng học sinh và của nhóm khác.

b. Ý nghĩa:

- + Tạo nên môi trường học tập mà trong đó có sự hợp tác, trao đổi, giữa các thành viên trong nhóm với nhau.

- + Tạo nên không khí cởi mở, cảm thông, tự do trao đổi những vấn đề học tập trong không khí hòa hợp công đồng và thi đua cùng tiến bộ.

- + Hình thành tinh thần trách nhiệm đối với tập thể cho từng thành viên của nhóm, nhờ vậy mà tránh được sự lười biếng, sao nhãng nhiệm vụ được giao, tránh sự ghen tỵ.

- + Hình thành thói quen làm việc tự giác không cần kiểm soát.

- + Giúp hình thành kỹ năng tổ chức, giao tiếp, thói quen tự đánh giá.

- + Giúp hình thành tính tích cực nhận thức và khả năng thích ứng nhanh với nhịp điệu cùng nhau.

c. Các dạng của hình thức học tập theo nhóm tại lớp:

Có hai dạng hình thức học tập theo nhóm tại lớp là dạng hình thức học tập theo nhóm thống nhất và dạng có tính phân hóa.

- Dạng thống nhất: Tất cả học sinh đều thực hiện nhiệm vụ như nhau.

- Dạng có tính phân hóa: các nhóm có nhiệm vụ khác nhau trong khuôn khổ đề tài chung cho cả lớp.

d. Việc vận dụng hình thức học tập theo nhóm tại lớp:

- * Việc thành lập nhóm học tập:

Cần chú ý những điểm sau;

- Căn cứ để thành lập nhóm: nhịp điệu làm việc của các thành viên trong nhóm gần giống nhau, trình độ học lực, khả năng nắm bắt thông tin, mối quan hệ giữa HS với nhau, năng lực giao tiếp...

- Số lượng học sinh trong nhóm: tùy thuộc số lượng học sinh trong lớp, nhiệm vụ được giao, điều kiện phòng học, bàn ghế..., thường nhóm có từ 5 - 7 thành viên.

- Mỗi nhóm có nhóm trưởng, vai trò nhóm trưởng không cố định mà thay phiên nhau.

- * Nội dung học tập nhóm:

- Đảm bảo tính có vấn đề, mức độ khó khăn cao.

- Cấu trúc rõ ràng để tiến hành dạng nhóm có tính phân hóa và từng HS học tập.

- Huy động từ nhiều nguồn thông tin, tài liệu khác nhau...

- * Tiến hành tiết học với hình thức học tập theo nhóm tại lớp:

- Giáo viên đề ra nhiệm vụ trước cho cả lớp

- Giáo viên sắp xếp chỗ ngồi thuận lợi cho sự trao đổi giữa học sinh và giáo viên quan sát tốt.

- Mỗi thành viên tự lực làm việc, thông báo cho nhau kết quả, thảo luận nếu không thống nhất và cử người đại diện để báo cáo.

- Đại diện các nhóm trình bày báo cáo, có thể thảo luận để đi đến kết luận.

e. Vai trò của giáo viên:

Giáo viên có vai trò chủ đạo, thể hiện ở sự cố vấn, là trọng tài, người động viên, cổ vũ các hoạt động nhóm, hướng dẫn các nhóm học tập, làm việc; theo dõi

tiến trình làm việc của các nhóm; đề ra kế hoạch giải quyết sai lầm của học sinh nếu có.

2.4.2.3. Hình thức tự học.

a. Đặc điểm:

- Tự học là hình thức tổ chức dạy học không có sự lãnh đạo trực tiếp của giáo viên và tập thể lớp.

- Học sinh hoàn toàn độc lập, tự giác.

- Kết quả hoàn toàn phụ thuộc vào từng cá nhân học sinh.

Ý nghĩa:

- Học tập ở nhà có ý nghĩa rất quan trọng và không thể thiếu trong quá trình lĩnh hội, hoàn thiện tri thức và kỹ năng, kỹ xảo.

- Học tập ở nhà có tác dụng mở rộng, đào sâu, hệ thống hóa và khái quát hóa những điều đã học trên lớp.

- Giúp học sinh rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, vận dụng tri thức vào giải quyết các tình huống.

- Giúp học sinh chuẩn bị cơ sở cho việc lĩnh hội tri thức mới.

- Bồi dưỡng học sinh tinh thần trách nhiệm, tính tự giác, độc lập....

b. Điều kiện ở tự học đạt kết quả:

Muốn đảm bảo kết quả của việc tổ chức học tập ở nhà cho học sinh, phải chú ý những điều kiện sau:

- Phải làm cho việc học ở nhà cũng hứng thú như học ở lớp. Muốn vậy, phải kết hợp việc học ở nhà và học ở lớp. Việc học ở nhà phải đa dạng, không chỉ hạn chế ở những công việc có tính chất ôn tập máy móc tài liệu trong sách giáo khoa, mà phải đề ra những bài làm có tính chất có vấn đề.

- Phải làm cho học sinh ý thức rõ ràng mục đích, nhiệm vụ của công việc ở nhà. Muốn vậy, phải kết hợp bài làm ở nhà với công việc học tập ở lớp. Nếu không hoàn thành bài làm ở nhà thì công việc học tập ở lớp gặp rất nhiều khó khăn. Ngược lại giờ học trên lớp nếu không dành thời gian nhất định để hướng dẫn thì việc học ở nhà sẽ không được định hướng, học sinh sẽ thiếu hình dung rõ ràng cần phải làm gì và làm như thế nào để hoàn thành tốt các bài tập ở nhà.

- Bài làm ở nhà vừa phải đảm bảo trình độ trung bình của lớp, vừa phải chú ý tới đặc điểm cá biệt của học sinh yếu, vừa phải thỏa mãn nhu cầu đào sâu, mở rộng tri thức của học sinh khá, giỏi.

- Phải làm cho học sinh nắm được quy tắc học bài, làm bài ở nhà và hình thành cho họ năng lực, phẩm chất tự học.

- Phải giáo dục cho học sinh ý thức trách nhiệm trong việc hoàn thành bài làm ở nhà. Muốn vậy, giáo viên cũng như các bậc cha mẹ phải thường xuyên kiểm tra dưới nhiều hình thức khác nhau.

2.4.2.4. Hình thức hoạt động ngoại khoá học tập.

a. Ý nghĩa:

Trong quá trình dạy học, hình thức tổ chức dạy học ngoại khóa có tính chất tự nguyện. Hình thức tổ chức dạy học này tạo điều kiện cho học sinh mở rộng, đào sâu, tri thức đã tiếp thu được ở chương trình bắt buộc. Đồng thời nó cũng tạo thêm hứng thú học tập cho học sinh, làm phát triển năng lực nhận thức riêng của từng học sinh, qua đó góp phần hướng nghiệp cho học sinh.

Những hình thức của hoạt động ngoại khóa có thể là: câu lạc bộ khoa học, hội "các nhà khoa học trẻ tuổi", dạ hội khoa học hay nghệ thuật...

b. Nội dung hoạt động ngoại khóa:

Nội dung của hoạt động ngoại khóa rất phong phú, bao gồm các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... Để thực hiện các hoạt động này, cần có sự kết hợp chặt chẽ với nhiều cơ quan văn hóa, xã hội, hội cha mẹ học sinh...

2.4.2.5. Hình thức tham quan học tập.

a. Ý nghĩa:

Tham quan học tập là hình thức tổ chức dạy học nhằm tổ chức cho học sinh quan sát trực tiếp và nghiên cứu những hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, cuộc sống, xã hội... Qua đó giúp họ tích lũy thêm vốn kiến thức, làm phong phú thêm kinh nghiệm, mở rộng, đào sâu tri thức, nâng cao hứng thú học tập, phát triển óc quan sát, trí tò mò khoa học. Bước đầu hình thành cho họ phương pháp quan sát, phân tích, tổng hợp những tài liệu thu được trong quá trình tham quan. Ngoài ra, qua tham

quan học tập mà bồi dưỡng lòng yêu quê hương đất nước, yêu con người và cuộc sống lao động cho học sinh.

Tham quan học tập là hình thức cần thiết để thực hiện mối liên hệ giữa lý luận và thực tế, gắn nhà trường với cuộc sống và thực hiện những nhiệm vụ giáo dục kỹ thuật tổng hợp cho học sinh.

b. Đặc điểm:

- Hình thức tham quan được tiến hành ngoài lớp, người học trực tiếp quan sát và nghiên cứu các sự vật hiện tượng.

- Được tiến hành dưới nhiều dạng khác nhau: tham quan theo chủ đề, tham quan tổng hợp, tham quan trước, trong và sau khi học một chủ đề.

- Giúp học sinh nghiên cứu sự vật hiện tượng ở trạng thái thực của nó.

c. Yêu cầu và các bước tổ chức tham quan:

- Chuẩn bị: nắm vững chương trình môn học để vạch kế hoạch tham quan; xác định mục đích, yêu cầu, nội dung tham quan.

- Tiến hành tham quan: dưới sự hướng dẫn của giáo viên hay cán bộ phụ trách, học sinh tham quan theo kế hoạch; học sinh quan sát, ghi chép, vẽ sơ đồ, thu thập những số liệu cần thiết; học sinh thực hiện tốt nội quy, duy trì kỷ luật.

- Tổng kết: sau khi tham quan, học sinh kiểm tra và chỉnh lí các tài liệu thu được theo sự hướng dẫn của giáo viên; giáo viên phân tích, nhận xét, đánh giá...

2.4.2.6. Hình thức trò chơi học tập.

a. Ý nghĩa của trò chơi học tập:

- Thay đổi hình thức hoạt động, tạo không khí lớp học dễ chịu thoải mái.

- Giúp học sinh tiếp thu kiến thức tự giác và tích cực hơn.

- Làm cho học sinh thấy vui hơn, nhanh nhẹn và cởi mở hơn, tinh thần dễ chịu và thể lực khỏe mạnh hơn.

- Giúp học sinh củng cố và hệ thống hóa kiến thức, đồng thời phát triển vốn kinh nghiệm mà các em đã tích lũy được thông qua hoạt động.

- Rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo.

- Thúc đẩy hoạt động trí tuệ.

- Rèn luyện và nâng cao các tố chất nhanh, mạnh, bền, khéo, giúp HS phát triển thể lực.

- Rèn luyện các giác quan.

- Học sinh được phát triển óc sáng tạo và lòng kiên trì, dũng cảm vượt khó.

b. Khái niệm:

Trò chơi học tập là trò chơi có nội dung gắn với nội dung bài học và phục vụ cho mục đích học tập, giúp học sinh khai thác vốn kinh nghiệm bản thân.

Trò chơi học tập được sử dụng để cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo mới hoặc củng cố kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo đã học.

c. Phân loại trò chơi học tập:

Có nhiều cách phân loại trò chơi học tập:

- Phân loại theo mục tiêu dạy học thì có: trò chơi hình thành kiến thức, trò chơi hình thành thái độ, trò chơi hình thành hành vi, thói quen...

- Phân loại theo tiến trình bài học thì có: trò chơi khởi động, trò chơi hình thành kiến thức và rèn kỹ năng, trò chơi ôn tập củng cố.

- Phân loại theo hình thức tổ chức thì có: trò chơi tập thể, trò chơi cá nhân, trò chơi trong lớp, trò chơi ngoài lớp...

d. Quy trình xây dựng, thiết kế trò chơi:

Bước 1. Chuẩn bị trò chơi

- Nghiên cứu tài liệu

+ Chương trình sách giáo khoa (tài liệu hoạt động học tập)

+ Hệ thống sách tham khảo: sách báo, tạp chí giáo dục...

- Nghiên cứu thực tế lớp học:

+ Nghiên cứu tình hình lớp học: có học sinh khuyết tật không, nhu cầu, sở thích, hoàn cảnh ...

+ Tìm hiểu xem học sinh lớp yếu ở mạch kiến thức nào, để lựa chọn trò chơi cho phù hợp, giúp các em củng cố kiến thức để hiểu bài một cách chắc chắn.

Bước 2: Lựa chọn các trò chơi

- Việc lựa chọn các trò chơi học tập phải đáp ứng những yêu cầu của mục đích dạy học. Các trò chơi phải đặt ra cho học sinh các nhiệm vụ học tập tương ứng với

nội dung dạy học. Mỗi trò chơi cần có một vị trí đóng góp cụ thể trong tiến trình thực hiện mục đích dạy học. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu dạy học bộ môn hệ thống các trò chơi phải được lựa chọn sao cho đa dạng về chủ đề, phong phú về cách chơi.

Dựa vào hình thức, cách chơi và luật chơi của trò chơi có thể thay thế các trò chơi một cách linh hoạt (thay số bằng chữ, câu cá, mèo bắt chuột, tìm hoa hái quả, cánh hoa tìm nhụy, ...) từ sự thay thế linh hoạt tạo cho giáo viên có cơ hội tổ chức trò chơi phù hợp với đối tượng học sinh của mình. Lựa chọn trò chơi phải đảm bảo các yếu tố: lứa tuổi, vừa sức; áp dụng vào khi nào trong tiến trình bài dạy và trong chương trình, thông thường là:

+ Sau khi hoàn thành một bài học. Cách này có ưu điểm là kích thích được sự hứng thú học tập của học sinh, giờ học tránh được không khí suy nghĩ căng thẳng trở thành “ Vui mà học, học mà chơi” hết sức sinh động.

+ Sau khi hoàn thành một chương. Với cách này sẽ giúp cho học sinh hệ thống lại kiến thức một cách sinh động và hiệu quả.

Bước 3. Xây dựng và thiết kế trò chơi

- Khi xây dựng và thiết kế trò chơi thường tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Phải dựa vào hoạt động bài học; điều kiện về thời gian trong mỗi tiết học.

+ Trò chơi mang ý nghĩa giáo dục.

+ Trò chơi phải nhằm mục đích củng cố, khắc sâu nội dung bài học.

+ Trò chơi phải phù hợp với tâm lý học sinh, phù hợp với khả năng người hướng dẫn và cơ sở vật chất của nhà trường.

+ Trò chơi phải tạo được hứng thú đối với học sinh.

- Thiết kế trò chơi học tập thường qua các bước như sau:

+ Mục đích: Nêu rõ mục đích của trò chơi nhằm ôn luyện, củng cố kiến thức, kỹ năng nào?

+ Đồ dùng đồ chơi

+ Nêu luật chơi

+ Số người tham gia

+ Nêu cách chơi

Bước 4. Cách tiến hành trò chơi

- Giới thiệu trò chơi.
- Nêu tên trò chơi.
- Hướng dẫn cách chơi bằng cách vừa mô tả vừa thực hành, nêu rõ quy định chơi.

- Chơi thử (chơi nháp)
- Thông qua chơi thử để nhấn mạnh luật chơi.
- Chơi thật (xé nháp)
- Nhận xét kết quả chơi, thái độ:

+ Giáo viên hoặc trọng tài là học sinh nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

+ Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội thắng (nếu có).

+ Một số học sinh nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

- Một số vấn đề cần lưu ý:

Sử dụng trò chơi học tập là phương pháp có thể vận dụng để dạy ở tất cả các lớp của bậc học phổ thông. Khi sử dụng phương pháp này, giáo viên cần chú ý một số điểm sau :

- Lựa chọn hoặc tự thiết kế trò chơi đảm bảo những yêu cầu :

+ Mục đích của trò chơi phải thể hiện mục tiêu của bài học.

+ Hình thức chơi đa dạng giúp học sinh được thay đổi các hoạt động học tập trên lớp, giúp học sinh phối hợp các hoạt động trí tuệ với các hoạt động vận động.

+ Luật chơi đơn giản để học sinh dễ nhớ, dễ thực hiện. Giáo viên hướng dẫn luật chơi rõ ràng. Cần đưa ra các cách chơi có nhiều học sinh tham gia để tăng cường kỹ năng học tập hợp tác.

+ Các dụng cụ chơi cần đơn giản, dễ làm hoặc dễ tìm kiếm tại chỗ.

- Chọn quản trò chơi có năng lực phù hợp với yêu cầu của trò chơi.

- Tổ chức chơi vào thời gian thích hợp của bài học để vừa làm cho học sinh hứng thú học tập vừa hướng cho học sinh tiếp tục tập trung các nội dung khác của bài học một cách có hiệu quả.

- Làm cho học sinh hiểu khi chơi phải trung thực, đoàn kết, không nên quá háo thắng.

- Giáo viên thưởng, phạt công bằng.

2.5. Phương tiện dạy học.

2.5.1. Khái niệm về phương tiện dạy học

Phương tiện dạy học là tập hợp những đối tượng vật chất được giáo viên sử dụng với tư cách là những phương tiện tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh. và đối với học sinh, đó là phương tiện để tiến hành hoạt động nhận thức của mình, thông qua đó thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

Cũng có thể hiểu "Phương tiện dạy học là khái niệm bao gồm mọi thiết bị kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp được dùng trong quá trình dạy học để làm dễ dàng cho sự truyền đạt và tiếp thu kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo" (Nguyễn Ngọc Quang).

2.5.2. Vai trò tác dụng của phương tiện dạy học

Phương tiện dạy học có vai trò, ý nghĩa to lớn đối với quá trình dạy học.

- Đối với học sinh:

+ Sử dụng các phương tiện dạy học giúp học sinh dễ hiểu bài, hiểu bài sâu sắc hơn và nhớ bài lâu hơn.

+ Phương tiện dạy học tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự nghiên cứu dạng bề ngoài của đối tượng và các tính chất có thể tri giác trực tiếp của chúng.

+ Phương tiện dạy học giúp cụ thể hóa những cái quá trừu tượng, đơn giản hóa những máy móc và thiết bị quá phức tạp.

+ Phương tiện dạy học giúp làm sinh động nội dung học tập, nâng cao hứng thú học tập bộ môn, nâng cao lòng tin của học sinh vào khoa học.

+ Phương tiện dạy học còn giúp cho học sinh phát triển năng lực nhận thức, đặc biệt là khả năng quan sát, tư duy (phân tích, tổng hợp các hiện tượng, rút ra những kết luận có độ tin cậy...)

- Đối với giáo viên: phương tiện dạy học giúp giáo viên tiết kiệm được thời gian trên lớp trong mỗi tiết học; giúp giáo viên điều khiển được hoạt động nhận thức của học sinh, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của các em được thuận lợi và có hiệu suất cao.

Tóm lại, phương tiện dạy học góp phần nâng cao hiệu suất lao động của thầy và trò.

2.5.3. Các loại phương tiện dạy học

Có thể phân loại các phương tiện dạy học theo một vài cách khác nhau tùy theo quan điểm sử dụng.

* Dựa vào cấu tạo, nguyên lý hoạt động và chức năng của phương tiện: Phương tiện dạy học có thể được phân làm hai phần: phần cứng và phần mềm.

Phần cứng bao gồm các phương tiện được cấu tạo trên cơ sở các nguyên lý thiết kế về cơ, điện, điện tử... theo yêu cầu biểu diễn nội dung bài giảng. Các phương tiện này có thể là: các máy chiếu (phim, ảnh, xi nê), radio, ti vi, máy dạy học, máy tính điện tử, máy phát thanh và truyền hình... Phần cứng là kết quả tác động của sự phát triển của khoa học kỹ thuật (KHKT) trong nhiều thế kỷ. Khi sử dụng phần cứng, người giáo viên đã cơ giới hóa và điện tử hóa quá trình dạy học, mở rộng không gian lớp học và phạm vi kiến thức truyền đạt.

Phần mềm là những phương tiện trong đó sử dụng các nguyên lý sư phạm, tâm lý, KHKT để xây dựng nên cho học sinh một khối lượng kiến thức hay cải thiện hành vi ứng xử cho học sinh. Phần mềm bao gồm: chương trình môn học, báo chí, sách vở, tạp chí, tài liệu giáo khoa...

* Dựa vào mục đích sử dụng có thể phân loại các phương tiện dạy học thành hai loại: phương tiện dùng trực tiếp để dạy học và phương tiện dùng để hỗ trợ, điều khiển quá trình dạy học.

- Phương tiện dùng trực tiếp để dạy học bao gồm những máy móc, thiết bị và dụng cụ được giáo viên sử dụng trong giờ dạy để trình bày kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh. Đó có thể là:

+ Máy chiếu (truyền xạ, phản xạ), máy chiếu phim dương bản, máy chiếu phim, máy ghi âm, máy quay đĩa, máy thu hình, máy dạy học, máy tính điện tử, máy quay phim...

+ Các tài liệu in (sách giáo khoa, sách chuyên môn, các tài liệu chép tay, sổ tay tra cứu, sách bài tập, chương trình môn học...)

+ Các phương tiện mang tin thính giác, thị giác và hỗn hợp (băng ghi âm, đĩa ghi âm, các chương trình phát thanh, tranh vẽ, biểu bảng, bản đồ, đồ thị, ảnh, phim dương bản, phim cuộn, buổi truyền hình...)

+ Các vật mẫu, mô hình, tranh lắp ghép, phương tiện và vật liệu thí nghiệm, máy luyện tập, các phương tiện sản xuất...

- Phương tiện hỗ trợ và điều khiển quá trình dạy học là những phương tiện được sử dụng để tạo ra một môi trường học tập thuận lợi, có hiệu quả và liên tục.

+ Phương tiện hỗ trợ bao gồm các loại bảng viết, các giá di động hoặc cố định, bàn thí nghiệm, thiết bị điều khiển âm thanh, ánh sáng...

+ Phương tiện điều khiển bao gồm các loại sổ sách, tài liệu ghi chép về tiến trình học tập, về thành tích học tập của học sinh.

* Dựa vào cấu tạo của phương tiện có thể phân các loại phương tiện dạy học thành hai loại: các phương tiện dạy học truyền thống và các phương tiện nghe nhìn hiện đại.

2.5.4. Cách sử dụng, bảo quản và tự làm các phương tiện dạy học

.Phương tiện dạy học có tác dụng làm tăng hiệu quả của quá trình nhận thức của học sinh, giúp cho học sinh thu nhận được kiến thức về đối tượng thực tiễn khách quan. Tuy vậy, nếu không sử dụng phương tiện dạy học một cách hợp lý thì hiệu quả sư phạm của phương tiện dạy học không những không tăng lên mà còn làm cho học sinh khó hiểu, rối loạn, căng thẳng... Do đó khi sử dụng các phương tiện dạy học, cần tuân thủ các nguyên tắc sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, đúng cường độ.

a. Nguyên tắc sử dụng

* Nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học đúng lúc

Sử dụng phương tiện dạy học có ý nghĩa là đưa phương tiện vào lúc cần thiết, lúc học sinh mong muốn nhất (mà trước đó thầy giáo đã dẫn dắt, nêu vấn đề, gợi ý...) và được quan sát, gợi nhớ trong trạng thái tâm sinh lý thuận lợi nhất.

Hiệu quả của phương tiện dạy học được nâng cao rất nhiều nếu nó xuất hiện đúng vào lúc mà nội dung, phương pháp của bài giảng cần đến nó. Cần đưa phương tiện vào theo trình tự bài giảng, tránh việc trưng ra hàng loạt phương tiện trên giá, từ

trong một tiết học hoặc biến phòng học thành phòng trung bày, triển lãm. Phương tiện dạy học phải được đưa ra sử dụng và cất giấu đúng lúc.

Nếu các phương tiện dạy học được sử dụng một cách tình cờ, chưa có sự chuẩn bị trước cho việc tiếp thu của học sinh thì sẽ không mang lại kết quả mong muốn, thậm chí còn làm tản mạn sự theo dõi của học sinh.

Với cùng một phương tiện dạy học cũng cần phải phân biệt thời điểm sử dụng: khi nào thì được đưa vào trong giờ giảng, khi nào thì dùng trong buổi hướng dẫn ngoại khóa, trung bày trong giờ nghỉ, trung bày ở ký túc xá... hoặc cho học sinh mượn về nhà quan sát.

Cần cân đối và bố trí lịch sử dụng phương tiện dạy học hợp lý, thuận lợi trong một ngày, một tuần nhằm nâng cao hiệu quả của từng loại phương tiện. Ví dụ nên bố trí chiếu phim vào cuối buổi học trong ngày. Không chiếu phim liên tiếp một lúc nhiều nội dung.

* Nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học đúng chỗ

Sử dụng phương tiện dạy học đúng chỗ tức là phải tìm vị trí để giới thiệu, trình bày phương tiện trên lớp hợp lý nhất, giúp học sinh có thể đồng thời sử dụng nhiều giác quan để tiếp thu bài giảng một cách đồng đều ở mọi vị trí trên lớp.

Một yêu cầu hết sức quan trọng trong việc giới thiệu phương tiện dạy học trên lớp là phải tìm vị trí lắp đặt sao cho toàn lớp có thể quan sát rõ ràng, đặc biệt là hai hàng học sinh ngồi sát hai bên tường và hàng ghé cuối lớp.

Vị trí trình bày phương tiện phải bảo đảm các yêu cầu chung và riêng của nó về điều kiện chiếu sáng, thông gió và các yêu cầu kỹ thuật riêng biệt khác

Các phương tiện phải được giới thiệu ở những vị trí tuyệt đối an toàn cho giáo viên và học sinh trong và ngoài giờ giảng, đồng thời phải bố trí sao cho không ảnh hưởng đến quá trình làm việc, học tập của các lớp khác.

Đối với các phương tiện được cất tại các nơi bảo quản, phải sắp xếp sao cho khi cần đưa đến lớp giáo viên ít gặp khó khăn và mất thời gian.

Phải bố trí chỗ cất giấu phương tiện ngay tại lớp sau khi sử dụng để không làm mất tập trung tư tưởng của học sinh khi nghe giảng.

* Nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học đúng cường độ

Nguyên tắc này chủ yếu đề cập nội dung và phương pháp giảng dạy sao cho thích hợp, vừa với trình độ và lứa tuổi của học sinh.

Mỗi loại phương tiện dạy học có mức độ sử dụng tại lớp khác nhau. Nếu kéo dài việc trình diễn phương tiện dạy học hoặc dùng lặp đi lặp lại một loại phương tiện quá nhiều lần trong một buổi giảng, hiệu quả của nó sẽ giảm sút. Theo nghiên cứu của những nhà sinh lý học, nếu như một dạng hoạt động được kéo dài quá 15 phút thì khả năng làm việc sẽ bị giảm sút rất nhanh.

Việc áp dụng thường xuyên các phương tiện nghe nhìn ở trên lớp sẽ dẫn đến sự quá tải về thông tin do học sinh không kịp tiêu thụ hết khối lượng kiến thức được cung cấp. Sự quá tải lớn về thị giác sẽ ảnh hưởng đến chức năng của mắt, giảm thị lực và ảnh hưởng xấu đến việc dạy và học. Để bảo đảm yêu cầu về chế độ làm việc của mắt chỉ nên sử dụng phương tiện nghe nhìn không quá 2-3 lần trong tuần và mỗi lần không quá 20-30 phút.

Những vấn đề xét ở trên chỉ mới vạch ra con đường giải quyết và những khó khăn gặp phải khi sử dụng phương tiện. Việc áp dụng có hiệu quả phương tiện dạy học còn tùy thuộc vào khả năng sáng tạo, kinh nghiệm nghề nghiệp của giáo viên.

b. Cách sử dụng một số phương tiện dạy học cụ thể

* Cách sử dụng một số phương tiện dạy học trực quan

- Hình vẽ trên bảng

Hình vẽ trên bảng có thể được vẽ một cách tổng quát hoặc theo chi tiết. Hình vẽ trên bảng có thể được thực hiện theo từng giai đoạn nhằm dẫn dắt sự tiếp thu liên tục của học sinh. Hình vẽ trên bảng có thể là hình hai chiều hoặc hình ba chiều. Hình vẽ trên bảng có thể được dùng trong các công việc: nghiên cứu tài liệu mới, làm việc độc lập và kiểm tra.

Việc quan sát và thảo luận trên hình vẽ có thể kéo dài tùy ý. Giáo viên có thể dùng hình vẽ trên bảng để kiểm tra kiến thức của học sinh, làm rõ hơn các vấn đề cần truyền đạt, tăng mức độ giao tiếp giữa thầy và trò.

Hình vẽ trên bảng chỉ được thực hiện khi có giáo viên vì nó không có khả năng truyền đạt tất cả các tính chất của đối tượng nghiên cứu, của các hiện tượng và quá trình xảy ra. Trong quá trình giảng bài, giáo viên có thể bổ sung các chi tiết để minh họa các vấn đề được nêu. Hình vẽ trên bảng cần được xuất hiện trong thời gian dạy

học khi cần minh họa các vấn đề được giáo viên thuyết giảng bằng lời, vì vậy việc vẽ sẵn các hình vẽ trước giờ học làm cho hiệu quả sử dụng của nó kém đi rất nhiều.

Ưu điểm của hình vẽ trên bảng là nó truyền đạt tốt nhất các lượng tin qua hình phẳng. Do đó hình vẽ trên bảng cần được sử dụng thích hợp để thể hiện các sơ đồ của máy móc, cơ cấu, sơ đồ mặt bằng, đồ thị, biểu mẫu... Hình vẽ trên bảng được dùng rộng rãi trong thực tế sư phạm nhờ tính hiệu quả và đơn giản, có thể dùng để dạy lý thuyết và thực hành.

Yêu cầu: Hình vẽ trên bảng phải rõ ràng, đơn giản để học sinh có thể vẽ vào lớp theo kịp với quá trình giảng bài của giáo viên và trong một vài trường hợp đặc biệt có thể giao cho một học sinh nào đó tiến hành. Hình vẽ trên bảng không được có quá nhiều chi tiết và phải được bố trí sao cho giáo viên có chỗ để ghi thêm hoặc vẽ thêm các vấn đề cần làm rõ.

-Tranh, ảnh dạy học

Tranh, ảnh dạy học bao gồm những tranh ảnh về máy móc, các bảng biểu ghi định nghĩa, công thức, đồ thị..., các bảng tổng kết, so sánh...

Tranh, ảnh dạy học truyền đạt thông tin bằng hình ảnh, sơ đồ... Tùy theo nội dung của từng tranh, ảnh dạy học, giáo viên có thể treo khi giảng bài hoặc treo cố định ở một vị trí thích hợp trong lớp học. Học sinh có thể sử dụng tranh, ảnh dạy học bất kỳ lúc nào.

Kích thước của tranh dạy học thường không lớn quá khổ A0 (1189 x 841mm²), vì thế không nên đưa vào tranh quá nhiều chi tiết vụn vặt hoặc thứ yếu làm phân tán chú ý của học sinh.

Tranh ảnh có thể dùng để tra cứu, hướng dẫn công nghệ và các tài liệu viết khác. Nhờ có tranh dạy học (làm thành bộ và có thuyết minh tỉ mỉ cho từng tranh) có thể tổ chức cho học sinh tự học các vấn đề lý thuyết và thực hành ngoài giờ lên lớp.

Tranh ảnh dạy học giúp cho giáo viên tiết kiệm được thời gian trên lớp (thời gian vẽ hình), nhờ đó giáo viên có thể truyền đạt nhanh hơn hoặc khi cần có thể bỏ qua lượng thông tin không cần thiết cho việc dạy và học. Tranh, ảnh dạy học tạo điều kiện cho việc tổ chức thảo luận tập thể ở lớp, cho phép cả lớp trao đổi nội dung

bài học dưới dạng tình huống nêu vấn đề. Nhờ có tranh, ảnh dạy học giáo viên có thể truyền đạt lượng tin về những đối tượng hoặc quá trình khó quan sát trực tiếp.

Tranh, ảnh dạy học có thể dễ dàng sử dụng phối hợp với những phương tiện dạy học khác.

Khi làm tranh ảnh dạy học cần chú ý đến các yêu cầu:

+ Lựa chọn nội dung tài liệu: tranh ảnh dạy học có thể có nhiều đường nét phức tạp, chứa nhiều nội dung có liên hệ mật thiết với nhau. Không làm thành tranh ảnh dạy học khi có thể dùng hình vẽ trên bảng.

+ Lựa chọn màu sắc: Phải lựa chọn màu sắc cho phù hợp với nội dung và cấu trúc của các bộ phận trong tranh, làm nổi bật các quan hệ bằng các màu tương phản...

- Mô hình, makét, vật đúc

Mô hình là phương tiện dạy học hình khối (3 chiều) phản ánh tính chất, cấu tạo cơ bản của vật thật. Mô hình thường được thay đổi về tỷ lệ so với vật thật. Giá trị sử dụng của mô hình là ở chỗ nó có khả năng truyền đạt lượng tin về sự phân bố và tác động qua lại giữa các bộ phận trong mô hình.

Mô hình cần phải phản ánh được những đặc điểm cơ bản của vật thật mà nó thay thế. Một số mô hình phẳng làm bằng vật liệu trong suốt có thể được sử dụng như phương tiện dùng để chiếu lên màn ảnh.

Mô hình thường được sử dụng với danh nghĩa là nguồn thông tin để diễn giải tài liệu và kiểm tra kiến thức. Mô hình không thể dùng để rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh.

Trong thực tế quá trình giảng dạy, sử dụng mô hình cũng có hiệu quả tương đương với sử dụng vật thật. Tuy nhiên vì chế tạo mô hình thường rất phức tạp và đắt tiền nên người ta chỉ sử dụng mô hình trong trường hợp không có phương tiện nào khác để thay thế.

Maket khác với mô hình ở chỗ nó không thể truyền thông tin về sự hoạt động của đối tượng nghiên cứu và được chế tạo trước khi có vật thật. Maket chỉ phản ánh cấu trúc bên ngoài của vật thật mà không thể thể hiện nội dung bên trong của nó, do đó về lượng tin thì maket nghèo nàn hơn mô hình nhiều.

Về mặt thông tin thì vật đúc khuôn không khác với maket. Nhờ có vật đúc khuôn ta có thể truyền đạt lượng tin về thế giới động vật, về các bộ phận của cơ thể người, về các chi tiết máy...

Các phương tiện thuộc loại này chỉ được sử dụng khi không thể dùng trực tiếp vật thật trong quá trình dạy học.

- Mẫu vật:

+ Vật thật

Vật thật được dùng trong quá trình dạy học là những máy móc, thiết bị, bộ phận, chi tiết máy... có thể sử dụng trong thực tế sản xuất. Tính chất đặc trưng của loại phương tiện này là tính xác thực và nguyên bản. Chúng có thể được sử dụng trên lớp với danh nghĩa là phương tiện chung hoặc cá biệt tùy theo công dụng của chúng.

Phương tiện này bao gồm các thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị của xưởng trường, mẫu các chi tiết máy, bộ sưu tập khoáng sản, bộ mẫu thực - động vật...

Trong quá trình dạy học lý thuyết các vật thật chỉ có thể được dùng khi không thể dùng phương tiện nào khác. Những vật thật có kích thước và khối lượng lớn nếu không cần thiết thì không dùng được với danh nghĩa nguồn tin cho việc dạy học trên lớp. Trong trường hợp này thì tốt nhất là nên dùng hình thức tham quan.

Với danh nghĩa là nguồn tin, khi giảng dạy ở lớp không nên dùng những vật thật có kích thước quá nhỏ. Nhưng khi tiến hành các công việc thí nghiệm hoặc trong quá trình dạy sản xuất thì có thể sử dụng bất kỳ loại vật thật nào, không phụ thuộc vào khối lượng và kích thước của chúng. Trong trường hợp này, chúng được coi là các phương tiện để hình thành kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh.

Vật thật, nếu được sử dụng như phương tiện cung cấp thông tin, giúp cho học sinh dễ dàng chuyển tiếp từ hình ảnh cụ thể đến tư duy trừu tượng. Vật thật có thể được quan sát bao lâu tùy ý và từ những góc nhìn khác nhau. Học sinh sẽ có khái niệm đúng đắn về hình dáng, màu sắc và kích thước của vật.

Trong mọi trường hợp sử dụng làm việc với vật thật, học sinh phải được sự hướng dẫn của giáo viên hoặc làm việc với phiếu ghi hoặc phiếu công nghệ.

Các vật thật được bổ cắt là các phương tiện được sử dụng khá rộng rãi. Các phương tiện loại này không những chỉ được chế tạo từ những máy móc, thiết bị cũ mà ngay cả từ máy móc thiết bị mới, hiện đại. Mục đích của việc bổ cắt là làm cho học sinh có thể quan sát được các chi tiết bên trong máy trong kết cấu và hoạt động thực tế.

Việc tháo lắp các vật thật trong thực tế giúp cho học sinh khả năng tìm hiểu cấu tạo của chúng và kết cấu giữa các chi tiết.

Dạy học bằng vật thật có giá trị ở chỗ nó giúp cho việc đào tạo cho học sinh bước vào công việc sản xuất thực tế dễ dàng và làm việc sớm thành thạo.

* Cách sử dụng một số phương tiện kỹ thuật dạy học
- Các phương tiện nghe nhìn

Các phương tiện nghe nhìn được đánh giá là các phương tiện dạy học có hiệu quả cao. Sử dụng phương tiện nghe nhìn trong giờ học tạo điều kiện cho học sinh tiếp thu bài học tốt hơn, nhớ bài lâu hơn nhờ sử dụng nhiều nguồn kích thích sự chú ý của học sinh (hình ảnh, âm thanh, hình ảnh động...). Phương tiện nghe nhìn có thể được giáo viên sử dụng ở lớp như là một công cụ minh họa làm sáng tỏ nội dung bài học. Phương tiện nghe nhìn cũng có thể được học sinh sử dụng để tự học (truyền hình dạy học, băng từ, chương trình vi tính...).

2.6. Đánh giá kết quả dạy học ở trường THCS.

2.6.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá

Theo Từ điển Tiếng Việt, kiểm tra được hiểu là: Xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét. Như vậy, việc kiểm tra sẽ cung cấp những dữ kiện, những thông tin cần thiết làm cơ sở cho việc đánh giá học sinh.

Theo Từ điển Tiếng Việt (1997), đánh giá được hiểu là: Nhận định giá trị. Các kết quả kiểm tra thành tích học tập, rèn luyện của học sinh được thể hiện trong việc đánh giá những thành tích học tập, rèn luyện đó. Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phân đoán về kết quả của công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải tạo thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

2.6.2. Ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh

Trong quá trình dạy học, kiểm tra, đánh giá mức độ nắm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh có ý nghĩa rất lớn đối với cán bộ quản lý giáo dục, nhất là đối với giáo viên và học sinh.

a. Đối với học sinh:

Việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách có hệ thống và thường xuyên sẽ giúp cung cấp kịp thời những thông tin liên hệ ngược trong giúp học sinh tự điều chỉnh hoạt động học tập của mình về cả ba mặt giáo dục, phát triển năng lực nhận thức và giáo dục.

- Về giáo dục: giúp học sinh biết mình lĩnh hội được những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo gì, đạt được những yêu cầu nào ở mức độ nào của chương trình, còn gì phải bổ khuyết để tiếp thu chương trình mới tốt hơn.

- Về mặt phát triển năng lực nhận thức: giúp học sinh có điều kiện để rèn luyện năng lực hoạt động trí tuệ như ghi nhớ, khái quát hóa, hệ thống hóa kiến thức, phát triển trí thông minh sáng tạo, linh hoạt vận dụng tri thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn.

- Về mặt giáo dục: giáo dục tinh thần, ý thức trách nhiệm trong học tập, củng cố lòng tự tin vào khả năng của mình, khắc phục tính chủ quan tự mãn, có ý thức vươn lên để đạt hiệu quả cao trong học tập.

b. Đối với giáo viên:

Qua kiểm tra, đánh giá giúp giáo viên thu được những thông tin liên hệ ngược ngoài về kết quả học tập của cá nhân và tập thể học sinh, trên cơ sở đó điều chỉnh và giúp học sinh tự điều chỉnh hoạt động học tập bằng những biện pháp giúp đỡ phù hợp.

Qua kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh còn tạo cơ hội cho giáo viên xem xét lại cách thức dạy của mình để từ đó không ngừng điều chỉnh hoạt động dạy của mình cho ngày càng phù hợp.

c. Đối với cán bộ quản lý giáo dục:

Cung cấp thông tin về đơn vị giáo dục, trên cơ sở đó để có những chỉ đạo kịp thời, uốn nắn những lệch lạc, kịp thời đưa ra những quyết định quản lý phù hợp, là cơ sở để đề ra các chủ trương, phương hướng kịp thời...

2.6.3. Chức năng cơ bản của việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh

a. Chức năng phát hiện, điều chỉnh của kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo:

Thông qua việc tiến hành các hình thức kiểm tra kết quả học tập của học sinh, giáo viên có thể kịp thời phát hiện trình độ và năng lực nhận thức của họ, cả về khối lượng và chất lượng chiếm lĩnh nội dung học vấn; kịp thời phát hiện xem xét những chỗ đúng sai, mức độ nông sâu, rộng hẹp trong vốn hiểu biết của họ, trên cơ sở đối chiếu với yêu cầu đã đặt ra. Từ đó, giáo viên có nhận xét, đánh giá, xác định kết quả đã đạt được về số lượng và chất lượng, khẳng định những hạn chế, sự yếu kém và tìm ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan ảnh hưởng tới hoạt động học tập của họ. Mặt khác, giáo viên và các cấp quản lý căn cứ vào những liên hệ ngược phản ánh từ kết quả kiểm tra, đánh giá để kịp thời có phương hướng, biện pháp khắc phục, hoàn thiện quá trình dạy học, đặc biệt là điều chỉnh những sai sót, lệch lạc mà học sinh đã bộc lộ thông qua các hình thức kiểm tra.

b. Chức năng củng cố tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển trí tuệ của học sinh thông qua kiểm tra, đánh giá họ.

Trong suốt quá trình chuẩn bị các đợt kiểm tra, nhất là các kỳ thi, học sinh phải học tập tích cực, chủ động tái hiện, vận động một cách sáng tạo tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, nhờ đó mà chính xác hóa, hoàn thiện và khắc sâu một cách có hệ thống những tri thức đã thu lượm được. Trên cơ sở đó làm phát triển những năng lực, phẩm chất trí tuệ và những phẩm chất, ý chí, đạo đức của học sinh.

c. Chức năng giáo dục của kiểm tra, đánh giá tri thức kỹ năng, kỹ xảo.

Thành tích học tập của học sinh được phản ánh qua thái độ nghiêm túc học tập trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện các nhiệm vụ của bài kiểm tra, thái độ đối với kết quả đánh giá và tự đánh giá. Cụ thể là, việc kiểm tra và đánh giá phải giúp cho học sinh có nhu cầu, động cơ đúng đắn trong học tập, có thói quen tự giác, tích cực, tự lực huy động vốn tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của chính mình để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Đồng thời, mỗi học sinh phải có năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá và tự hoàn thiện học vấn của mình, luôn có ý thức trách nhiệm cao, có ý chí vươn lên đạt kết quả cao trong học tập. Đặc biệt, phải quan tâm giáo dục ý thức tổ chức kỷ

luật, tuyệt đối tránh những biểu hiện sai trái về thái độ, hành vi, thói quen trong khi làm bài. Như vậy, chức năng giáo dục của kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đã thể hiện sự thống nhất giữa hoạt động dạy học và sự giáo dục phẩm chất nhân cách cho học sinh, thể hiện sự thống nhất giữa kiểm tra và tự kiểm tra, giữa sự đánh giá của thầy và tự đánh giá của trò, giữa dạy học và tự học....

2.6.4. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá

a. Đảm bảo tính khách quan trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

Tính khách quan của việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo là sự phản ánh trung thực kết quả lĩnh hội nội dung tài liệu học tập của học sinh so với yêu cầu do chương trình quy định.

Tính khách quan này thể hiện ở những điều sau:

- Nội dung kiểm tra phải phù hợp với yêu cầu chung của chương trình đề ra; không thể theo ý chủ quan của giáo viên hay người ra đề thi.

- Tổ chức kiểm tra phải nghiêm minh theo đúng những quy định của cấp trên đề ra như bí mật đề thi, coi thi, kiểm tra nghiêm túc để tránh những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra.

- Tính khách quan trong việc đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh thể hiện ở chỗ chuẩn đánh giá đúng đắn, rõ ràng, toàn diện, tổ chức chấm bài phải nghiêm minh, người chấm bài có trách nhiệm trong việc đánh giá, tránh thành kiến.

- Trong thực tiễn tiến hành kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh ở các trường hiện nay, hiện tượng vi phạm tính khách quan còn diễn ra phổ biến ở các khâu ra đề, tổ chức thi và kiểm tra, đặc biệt còn rất phổ biến và nghiêm trọng ở khâu chấm bài, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Để đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh, cần cải tiến, đổi mới các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá, từ khâu ra đề, tổ chức thi, kiểm tra tới khâu cho điểm. Cho đến nay, trên thế giới và trong nước đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên biệt về vấn đề này. Xu hướng chung là tùy theo đặc trưng của môn học, đặc điểm của các loại hình trường mà có thể kiểm tra, thi theo hình thức tự luận hay trắc nghiệm khách quan với các ngân hàng đề thi phủ kín nội dung môn học, hoặc kết hợp hai hình thức ấy, song dù với

hình thức kiểm tra nào, vấn đề lượng hóa nội dung môn học theo các đơn vị tri thức để làm chuẩn cho việc đánh giá, cho điểm khách quan là cực kỳ quan trọng.

b. Yêu cầu đảm bảo tính toàn diện trong quá trình kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh là kiểm tra, đánh giá được khối lượng và chất lượng lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo thuộc các môn học, kết quả phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, ý thức, tinh thần, thái độ học tập tự giác, tích cực của học sinh..., trong đó không chỉ chú ý đánh giá số lượng và chất lượng nội dung tri thức được lĩnh hội mà cả hình thức diễn đạt, trình bày nội dung đó nữa.

c. Yêu cầu đảm bảo tính thường xuyên và hệ thống của việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:

Trong quá trình dạy học, việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh cần được tiến hành thường xuyên, liên tục và có hệ thống, có như vậy giáo viên mới thu được những thông tin ngược về kết quả học tập của học sinh để từ đó có cơ sở thực tiễn kịp thời đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập của học sinh, điều chỉnh quá trình dạy học nói chung. Mặt khác, kiểm tra thường xuyên, có hệ thống còn tạo nên nguồn kích thích học sinh tích cực học tập, không ngừng vươn lên đạt những thành tích mới trong các môn học. Chính vì vậy, quá trình dạy học ở những trường phổ thông quy định chế độ kiểm tra và thi một cách nghiêm ngặt theo từng môn học: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra tổng kết môn học, thi lên lớp, tốt nghiệp...

Để chuẩn bị cho các kỳ kiểm tra và thi, học sinh cần ôn tập, củng cố, luyện tập để nắm vững tri thức, kỹ năng thực hành và tự trang bị phương pháp học tập, phương pháp suy nghĩ, cách thức làm bài để có thể đạt được kết quả mong muốn.

d. Yêu cầu đảm bảo tính phát triển trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:

Quá trình dạy học luôn vận động và phát triển. Kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo là một khâu của quá trình dạy học nên khi tiến hành quy trình kiểm tra, đánh giá thành tích học tập của học sinh cần xem xét theo hướng phát triển trong tương lai của người học. Điều đó có nghĩa là, khi kiểm tra, đánh giá cần nhìn chung

cả quá trình trên cơ sở xem xét, đánh giá từng giai đoạn, từng khâu của hoạt động học tập, rèn luyện của các em.

2.6.5. Kiểm tra

a. Hình thức kiểm tra

- Kiểm tra thường ngày (kiểm tra thường xuyên)

- Kiểm tra định kỳ: dạng kiểm tra này thường được thực hiện sau khi học xong một chương, một số chương, do đó khối lượng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo trong nội dung kiểm tra khá lớn và có tính tổng quát hơn so với kiểm tra thường ngày.

- Kiểm tra tổng kết: Dạng kiểm tra này được thực hiện vào cuối học kỳ, cuối năm học, nhằm đánh giá kết quả chung của những tri thức đã học hoặc một bộ phận giáo trình, hoặc toàn bộ giáo trình.

b. Phương pháp kiểm tra

*. Phương pháp kiểm tra vấn đáp:

- Khái niệm: Kiểm tra vấn đáp là phương pháp giáo viên tổ chức hỏi và đáp giữa giáo viên và học sinh, qua đó thu được các thông tin về kết quả học tập của học sinh.

Phương pháp này có thể được sử dụng ở mọi thời điểm trong tiết học cũng như trong thi cuối học kỳ hoặc cuối năm học.

- Điểm mạnh và hạn chế:

+ Điểm mạnh: Phương pháp này cho phép giáo viên có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với học sinh, nhờ đó ngoài việc kiểm tra trí nhớ, tư duy còn có thể đánh giá được thái độ của học sinh; ngoài việc phát hiện ra khả năng của học sinh theo tiêu chuẩn chung còn có thể phát hiện ra năng lực đặc biệt, hoặc những khó khăn và thiếu sót của học sinh; Phương pháp có tính linh hoạt, cơ động, vì vậy có thể dùng để kiểm tra- đánh giá kiến thức cũ hoặc mới học của học sinh.

+ Hạn chế: Với câu hỏi ít nên khó bao quát hết chương trình trong một vài câu hỏi; việc kiểm tra bị ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan (thái độ, cách đặt câu hỏi của giáo viên...), do đó ảnh hưởng đến tính khách quan; thường tốn nhiều thời gian; khó so sánh giữa các học sinh; nhiều học sinh ngại tiếp xúc, ngại nói trước mặt giáo viên.

- Yêu cầu khi sử dụng:

+ Khi đưa ra các câu hỏi phải chính xác, đúng ngữ pháp, ngắn gọn, rõ ràng, sát với trình độ của học sinh;

+ Câu hỏi phải phát huy, kích thích tính tích cực của học sinh;

+ Khi vấn đáp, giáo viên phải chăm chú theo dõi câu trả lời, bình tĩnh, không nên cắt ngang câu trả lời;

+ Có từ hai giáo viên trở lên tham gia đánh giá trong những kỳ thi vấn đáp cho cả lớp để đảm bảo tính khách quan.

* Phương pháp kiểm tra viết

- Bài kiểm tra viết yêu cầu học sinh xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập do giáo viên giao cho dưới hình thức viết. Đây là hình thức kiểm tra phổ biến.

- Ưu điểm và hạn chế của kiểm tra viết:

+ Ưu điểm: kiểm tra viết có một số ưu điểm hơn so với kiểm tra vấn đáp, cụ thể là: có thể kiểm tra đồng thời tất cả học sinh toàn lớp trong một thời gian nhất định; dễ dàng thống nhất yêu cầu kiểm tra và đánh giá; giúp học sinh rèn luyện việc biểu đạt ý nghĩ của mình bằng ngôn ngữ viết; cho phép sử dụng tiết kiệm thời gian học tập.

+ Hạn chế: Bên cạnh đó nó cũng có những hạn chế, cụ thể là: kiểm tra viết thiếu sự tiếp xúc giữa người giáo viên và học sinh, và điều đó có ảnh hưởng tới nội dung câu trả lời của họ.

- Các hình thức kiểm tra viết: Trong kiểm tra viết, phân chia theo dạng của bài kiểm tra viết có kiểm tra viết dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan.

Phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận:

- Phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận là phương pháp giáo viên thiết kế câu hỏi, bài tập, học sinh xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập bằng cách viết ra giấy. Bài kiểm tra tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi phải viết nhiều câu để trả lời và cần có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, nó cho phép một sự tự do tương đối nào đó để trả lời các câu hỏi đặt ra.

Như vậy, trong phương pháp kiểm tra dạng tự luận thì cần phải có các câu hỏi tự luận. Câu tự luận thể hiện ở hai dạng:

+ Câu có sự trả lời mở rộng, là loại câu có phạm vi rộng và khái quát. Học sinh tự do biểu đạt tư tưởng và kiến thức.

+ Câu tự luận có sự trả lời có giới hạn, các câu hỏi được diễn đạt chi tiết, phạm vi câu hỏi được nêu rõ, thường có nhiều câu hỏi hơn trong một bài kiểm tra.

- Điểm mạnh và hạn chế của phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận

+ Điểm mạnh: Trong cùng một thời gian có thể kiểm tra được một số lượng lớn học sinh; giúp thu được thông tin về kiến thức, kỹ năng và hoạt động trí tuệ, thái độ của học sinh; có khả năng đo lường được các mục tiêu đã xác định; tạo cơ hội để học sinh thể hiện khả năng tự do, độc lập suy nghĩ, phát huy tính sáng tạo, ý kiến mới, khả năng phê phán và cảm xúc của học sinh; việc chuẩn bị câu hỏi tự luận không quá khó khăn cũng như không mất nhiều thời gian.

- Hạn chế: Khó bao quát được hết nội dung chương trình, thường chỉ tập trung vào một số phần chính; khó xác định các tiêu chí đánh giá, vì vậy khó chấm; chấm lâu, mất nhiều thời gian; bị ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan người chấm nên khó đảm bảo tính khách quan.

- Yêu cầu khi sử dụng:

+ Câu hỏi cần được diễn đạt rõ ràng, đúng cấu trúc ngữ pháp, từ ngữ khoa học, chính xác, tránh việc làm khó câu hỏi bằng cách diễn đạt phức tạp gây khó hiểu, tránh từ hoặc câu thừa.

+ Khi tổ chức kiểm tra cần đảm bảo phù hợp về thời gian làm bài, tránh các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài, đảm bảo nghiêm túc khi làm bài.

+ Khi chấm bài cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, nên dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm để có cách xử lý và cho điểm. Người chấm không nên biết tên và lớp học sinh, việc chấm cần có sự độc lập giữa những người chấm.

Kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan:

- Trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản hay một từ, một cụm từ.

- Câu trắc nghiệm khách quan bao gồm các loại sau:

+ Loại câu nhiều lựa chọn: là câu thông dụng nhất, còn gọi là câu đa phương án, gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn. Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bỏ lửng (câu chưa hoàn tất) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời (thường là 4 hoặc 5 phương án trả lời), trong đó có một phương án đúng nhất theo nội dung của phần dẫn, các phương án còn lại có tác dụng gây nhiễu.

+ Loại câu đúng – sai: là loại câu khẳng định hoặc phủ định về một vấn đề nào đó. Người trả lời phải đọc, suy nghĩ và nhận định lời khẳng định hoặc phủ định đó là đúng hay sai.

+ Loại câu điền vào chỗ trống (điền thế, điền khuyết): loại câu này đòi hỏi trả lời bằng một hay một cụm từ cho một câu hỏi trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ.

+ Câu ghép đôi là loại câu có hai phần: phần dẫn và phần trả lời. Phần dẫn thường ở bên trái, là các câu, các mệnh đề nêu thuật ngữ, nội dung, định nghĩa vv... Phần trả lời ở bên phải, cũng bao gồm các câu, mệnh đề vv... mà nếu được ghép đúng vào mệnh đề dẫn ở bên trái sẽ trở thành một phương án đúng, một ý hoàn chỉnh. Nhiệm vụ của người trả lời là ghép mệnh đề có trong phần trả lời vào mệnh đề tương ứng ở phần dẫn. Để tăng độ khó của câu trắc nghiệm, số câu ở phần trả lời thường nhiều hơn số câu ở phần dẫn.

- Ưu điểm và hạn chế của hình thức trắc nghiệm khách quan:

+ Ưu điểm: Nếu xây dựng đảm bảo tính khoa học và sử dụng có hiệu quả hệ thống trắc nghiệm khách quan thì trong chừng mực nhất định, có thể khắc phục được những hạn chế của hình thức kiểm tra tự luận.

Trong thời gian ngắn có thể kiểm tra khối lượng tri thức rất lớn. Do đó đảm bảo tính toàn diện của việc kiểm tra, đánh giá, việc chấm bài được tiến hành nhanh, gọn, việc đánh giá đảm bảo tính khách quan.

+ Hạn chế: Hình thức trắc nghiệm khách quan mới giúp cho giáo viên biết kết quả kiểm tra nhưng chưa giúp họ biết được quá trình dẫn tới kết quả do rất nhiều nguyên nhân tích cực, tiêu cực khác nhau. Vì vậy mà giáo viên khó xác định đúng những biện pháp dạy học có hiệu quả.

- Yêu cầu sử dụng trắc nghiệm khách quan:

Để đảm bảo trắc nghiệm khách quan có hiệu quả cao trong việc phản ánh đúng trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ học tập của học sinh cần:

+ Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm phải đảm bảo yêu cầu về tính đầy đủ của nội dung học vấn phổ thông.

+ Hệ thống câu hỏi phải có tác dụng phát triển trí tuệ cho học sinh, bồi dưỡng và rèn luyện phương pháp học tập, phương pháp tư duy độc lập, sáng tạo của học sinh.

* Yêu cầu tổ chức kiểm tra viết:

- Trong khi tiến hành kiểm tra tạo điều kiện cho học sinh bình tĩnh, tập trung tư tưởng và tự tin, tự giác làm bài đầy đủ và cẩn thận.

- Thu bài đúng giờ quy định.

- Đáp án chấm phải chính xác, rõ ràng, mọi người đều hiểu như nhau, thang điểm từng câu, từng ý phù hợp với yêu cầu nội dung phải trả lời.

- Chấm bài cẩn thận, có lời nhận xét chính xác, rõ ràng.

- Trả bài đúng hạn, có nhận xét chung về kết quả, những sai lầm phổ biến chung của lớp, về kết quả, về một số người, về hình thức, phương pháp làm bài, thái độ làm bài....

* Phương pháp kiểm tra thực hành

- Phương pháp kiểm tra thực hành là phương pháp giáo viên tổ chức cho học sinh tiến hành các hoạt động thực tiễn, qua đó thu nhận được các thông tin về kỹ năng thực hành của học sinh.

- Phương pháp này bổ trợ cho các phương pháp khác vì nhiều yếu tố của học sinh không thể bộc lộ hết qua việc trả lời trên giấy.

- Quan sát trực tiếp, có hệ thống và căn cứ vào sản phẩm là kỹ thuật quan trọng để thu thập số liệu đánh giá về kỹ năng và thái độ học sinh.

- Đánh giá kỹ năng bao gồm đánh giá cách thức tiến hành hoạt động và đánh giá sản phẩm.

- Điểm mạnh nổi bật của phương pháp này là kiểm tra được kỹ năng thực hành của học sinh, giúp vào việc rèn luyện kỹ năng, khắc phục tình trạng lý luận xa rời thực tiễn.

- Hạn chế của phương pháp này là cần có nhiều thời gian, công tác tổ chức và việc chuẩn bị thường công phu hơn

- Kiểm tra thực hành có thể tiến hành với từng cá nhân và hình thức nhóm nếu việc kiểm tra từng cá nhân không thể đạt được kết quả chắc chắn.

2.6.6. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

(Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông)

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Câu hỏi ôn tập

1. Hãy trình bày khái niệm phương pháp dạy học.
2. Nhóm phương pháp dạy học dùng lời gồm những phương pháp nào? Hãy trình bày khái niệm, ưu điểm, hạn chế và cách sử dụng các phương pháp đó.
3. Hãy trình bày nhóm phương pháp dạy học trực quan: Khái niệm, ưu điểm, hạn chế, yêu cầu khi sử dụng.
4. Hãy trình bày khái niệm hình thức lên lớp, những yêu cầu đối với bài học.
5. Hãy trình bày hình thức dạy học theo nhóm nhỏ tại lớp học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn ngọc Bảo, Trần kiểm. *Lí luận dạy học ở trường trung học cơ sở*. NXB Đại học sư phạm. 2006.
2. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức. *Hoạt động dạy học ở trường trung học*. NXB Giáo dục. HN. 2001.
3. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Sinh Huy, Hà Thị Đức. *Giáo dục học đại cương II*. Vụ Đại Học, Bộ Giáo dục – Đào tạo. HN 1995.
4. Hà Thế ngữ, Đặng Vũ Hoạt. *Giáo dục học TI*. NXB Giáo dục. 1998.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	2
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CỐ BẢN CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC	3
1.1. Quá trình dạy học.....	3
1.1.1. Khái niệm về quá trình dạy học.....	3
1.1.2. Quá trình dạy học là một hệ thống toàn vẹn.....	3
1.1.3. Bản chất của quá trình dạy học.....	5
1.1.4. Bản chất của hoạt động học:.....	6
1.1.5. Dạy học theo hướng tiếp cận “ lấy học sinh làm trung tâm”	8
1.1.6. Nhiệm vụ dạy học.....	8
1.2. Tính quy luật, động lực và lôgic của quá trình dạy học.	9
1.2.1. Quy luật và tính quy luật.	9
1.2.2. Tính quy luật của quá trình dạy học.	9
1.2.3. Động lực của quá trình dạy học.....	10
1.2.4. Lôgic của quá trình dạy học	11
1.3. Hệ thống các nguyên tắc dạy học	13
1.3.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học	13
1.3.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học.	13
Chương 2. TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	18
2.1. Những đặc điểm của hoạt động dạy học ở trường THCS.....	18
2.1.1. Về mục tiêu.....	18
2.1.2. Về nội dung dạy học.....	18
2.1.3. Về hoạt động dạy học	18
2.1.4. Về đặc điểm đối tượng	18
2.1.5. Về đặc điểm về thời đại.....	18
2.2. Nội dung dạy học.....	19
2.2.1. Khái niệm nội dung dạy học.....	19
2.2.2. Những thành phần của nội dung dạy học	19
2.2.3. Kế hoạch, chương trình dạy học, sách giáo khoa.	20
2.3. Phương pháp dạy học.....	22
2.3.1. Khái niệm phương pháp dạy học.....	22

2.3.2. Hệ thống các phương pháp dạy học	23
2.3.3. Việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học.	33
2.4. Hình thức tổ chức dạy học	34
2.4.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học.	34
2.4.2. Những hình thức tổ chức dạy học ở trường THCS.	35
2.5. Phương tiện dạy học.	54
2.5.1. Khái niệm về phương tiện dạy học.....	54
2.5.2. Vai trò tác dụng của phương tiện dạy học.....	54
2.5.3. Các loại phương tiện dạy học	55
2.5.4. Cách sử dụng, bảo quản và tự làm các phương tiện dạy học	56
2.6. Đánh giá kết quả dạy học ở trường THCS.	62
2.6.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá	62
2.6.2. Ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.....	63
2.6.3. Chức năng cơ bản của việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh	64
2.6.4. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá.....	65
2.6.5. Kiểm tra	67
2.6.6. Đánh giá kết quả học tập của học sinh	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO	72
MỤC LỤC	73